

HỌC VIỆN ĐA MINH

Ban Tổng Đồ

GIÁO TRÌNH NHÂN BẢN

Năm 2006

Bài 1

CHUYÊN CẦN

*“Thế mà chúng tôi nghe nói:
trong anh em có một số người sống vô kỷ luật,
chẳng làm việc gì, mà việc gì cũng xen vào.”*
(2 Tx 3,11)

Chuyện kể

Một ông lão người Pháp nọ, sau khi vợ qua đời, đã mang đứa con trai duy nhất của ông đến một vùng đất khô cằn nhất của miền Trung nước Pháp để lập nghiệp. Thật ra người đàn ông chỉ muốn quên đi cái quá khứ khó khăn, vất vả của mình.

Miền đất khô cằn nơi ông đặt chân đến còn vồn vện năm ngôi nhà nhỏ xiêu vẹo đổ nát. Đa số họ đã bỏ đi những thành phố lớn để tìm công ăn việc làm. Ông lão trên 60 đưa mắt nhìn khung cảnh chung quanh và đi đến kết luận : “Nếu không có cây cối thì chỉ trong vòng một thời gian ngắn cả vùng này sẽ trở thành sa mạc hoang vu”. Sau khi đã dọn chỗ cho đàn cừu và một số gia súc khác, ông lão bắt đầu đi bộ dọc theo các lối đi và nhặt từng hạt dẻ. Ông lựa những hạt tốt để gieo, ngâm nước. Khi mặt trời vừa lên, ông dùng một thanh sắt để moi những lỗ nhỏ và đặt trong mỗi lỗ một hạt dẻ. Ngày ngày như thế, trong liên tiếp ba năm, ông lão đã trồng được tất cả 100.000 cây dẻ con. Ông hy vọng rằng cũng phải có ít nhất 10.000 cây sống sót, ông cũng hi vọng rằng Chúa sẽ cho ông sống được thêm vài năm để làm cho xong công tác trồng cây này.

Ông qua đời năm 1947, hưởng thọ 89 tuổi. Từ những hạt dẻ ông đã cặm cùi moi từng lỗ bỏ vào, bấy giờ nước Pháp đã có một khu rừng đẹp nhất thế giới. Trong ba khóm rừng, mỗi khóm dài một cây số, rộng ba cây số, những cây dẻ xinh tươi to lớn đã có mặt để chứa được nước mưa, làm cho cây cối chung quanh được xinh tươi và chim chóc đã trở lại. Sự sống cũng bắt đầu chớm nở. Dân chúng từ từ trở lại với ngôi làng cũ để xây nhà và làm lại cuộc đời.

(Trích trong *Hạt giống âm thầm*)

I. KHÁI NIỆM

1. Chuyên cần

Chuyên cần là ham thích làm việc, làm cách mau mắn, kỹ lưỡng, đến nơi đến chốn và có thái độ vui vẻ trong lúc làm việc. Người chuyên cần không quản ngại khó khăn khi làm việc, hầu đạt đến mục đích cuối cùng.

Ví dụ: Một học sinh chuyên cần học tập: đi học đầy đủ; học, làm bài, chuẩn bị bài đến nơi đến chốn.

2. Siêng năng

Siêng năng là làm việc cần cù, miệt mài, đúng giờ và hoàn tất công việc đúng thời hạn. Người siêng năng không cảm thấy mệt mỏi trong khi làm việc.

Ví dụ: Một người công nhân siêng năng đến công sở đúng giờ, hiệu quả công việc, và ra về cũng đúng giờ.

3. Chăm chỉ

Chăm chỉ là chuyên tâm vào công việc, chú ý vào một động tác, tập trung mọi hoạt động của tinh thần vào công việc. Người chăm chỉ làm việc tỉ mỉ, cẩn thận, chú ý đến từng chi tiết của công việc.

Ví dụ : Sinh viên chăm chỉ học hành bằng cách nghiên cứu

II. Ý NGHĨA LAO ĐỘNG

1. Định nghĩa

Lao động là làm việc có ý thức, cải tạo thiên nhiên nhằm tạo ra những sản phẩm, những giá trị tinh thần và vật chất cho con người và xã hội.

2. Phân loại

- Lao động chân tay: lao động chân tay giản đơn và lao động chân tay kỹ thuật

- Lao động trí óc: thầy thuốc, thầy giáo, nhà báo, nhà bác học, ...

- Lao động nghệ thuật: nghệ sĩ, ca sĩ, vũ công, ảo thuật gia,

3. Giá trị

- Giá trị tự nhiên: lao động nhằm mục đích mưu sinh và văn hoá. Mưu sinh là để con người có cái ăn, cái mặc với những thành quả mình làm ra. Văn hoá là vì qua lao động, con người có sáng kiến, phát minh khoa học, nâng cao kỹ thuật lao động. Từ đó, nảy sinh những nền văn hoá, văn minh khác nhau.

- Giá trị siêu nhiên: làm việc là định luật tất yếu của cuộc sống. Thiên Chúa cũng làm việc: “Cho đến nay, Ta và Cha Ta vẫn làm việc”. Do vậy, con người được mời gọi làm việc để vinh danh Thiên Chúa chứ không do tội lỗi. Nhờ lao động, con người cải tạo thế giới ngày càng hoàn thiện hơn và tiếp tục với công trình sáng tạo của Thiên Chúa (Xc St 1,26).

- Giá trị cứu độ: khi ý thức về lao động, con người góp phần cứu rỗi bản thân và thế giới. Với bản thân, khi lao động ta cầu nguyện, liên kết với Chúa để việc ta làm đồng hoá với sức mạnh của sáng tạo của Thiên Chúa. Với thế giới, khi làm việc ta ý thức phát triển khả năng Chúa ban để sinh ích và phục vụ nhiều hơn cho nhân loại.¹

III. SO SÁNH CHUYÊN CẦN VÀ LƯỜI BIẾNG

Chuyên cần	Lười biếng
Ham thích làm việc, không ngại mệt nhọc để chu toàn công việc được giao phó.	Ham ở không, ngại nhận việc, sợ khó và sợ trách nhiệm.
Vui vẻ, mau mắn thi hành và thiết tha với công việc.	Ồ ờ, trễ nải, không tha thiết với công việc.
Làm việc cẩn thận, kỹ lưỡng, đến nơi đến chốn.	Làm việc cách cẩu thả, thường bỏ dở dang công việc.

¹ Xc. Xc Mt 13,3-9.

IV. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TẬP

1. Chuyên cần

- Về đạo đức: siêng năng thực hiện các việc đạo đức hằng ngày. Noi gương Đức Giáo hoàng Gioan XXIII: “Tôi đặc biệt nhấn mạnh và theo nguyên tắc này: là bất kỳ mỗi việc, mỗi kinh, giữ mỗi luật như là chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Chúa sinh ra tôi, chỉ vì một việc tôi đang làm thôi, việc đó làm xong hẳn hoi là đủ nên thánh, không nghĩ đến việc trước hay việc sẽ đến sau đó”².

- Về công việc: luyện tập làm việc cách chu đáo, ngay từ việc nhỏ cũng như việc lớn, cố gắng làm xong công việc, đừng bỏ dở dang. Luôn luôn tâm niệm: “Hãy làm các việc tầm thường một cách phi thường”.

- Về học hành: Đến lớp đúng giờ, chăm chỉ học và làm bài ở trường cũng như ở nhà, chú ý nghe giảng, chuẩn bị bài cách chu đáo.

2. Siêng năng, chăm chỉ

- Bài trừ triệt để mọi tư tưởng tản mác về những việc khác. Khi biết mình đang chia trí, lo ra, nên nỗ lực dẹp trừ ngay, thật dứt khoát.

- Quyết tâm tập trung và chú ý vào việc đang làm. Hết mình và tận tâm lo cho công việc hiện tại, và coi đó là việc quan trọng để hoàn thành.

- Nên chọn một việc và làm cách hiệu quả hơn là ôm nhiều việc mà việc nào cũng dở dang. Tập sống câu châm ngôn: “Chăm chỉ làm một việc thôi và làm tận tình”.

² Đức Gioan XXIII, *Tâm hồn nhật ký*, số 140.

Con ơi! Khi làm ơn con đừng trách móc
khi tặng quà chớ kèm theo những lời rầu rĩ.
Lời nói quý hơn quà tặng,
lời nói lại không hơn món quà quá sao?
Người giàu ân đức thì tặng cả hai.
Kẻ ngu đần chửi thẳng vào mặt
quà tặng của con người tham lam làm rơi nước mắt.
Con đừng buông theo các tham vọng của con,
nhưng hãy kiềm chế các dục vọng.
Nếu con thỏa mãn các tham vọng của mình,
thì con làm cho kẻ thù con thích thú.
Đừng tìm vui trong khoái lạc sa hoa,
đừng cấu kết với bọn nào như thế.
Đừng vay mượn để tiệc tùng mà hoá ra nghèo,
để không còn đồng xu dính túi.

(Hc 18, 15-18; 30-33)

TIẾT KIỆM

*“Thời cùng tận của vạn vật gần đến rồi.
Anh em hãy sống chừng mực và tiết độ
để có thể cầu nguyện được.”*

(1Pr 4,7)

Chuyện kể

Ngày nhận giấy báo đại học, tôi giấu không cho ba hay, dù biết làm thế là có lỗi. Cầm giấy báo trên tay mà đầu tôi rối mù. Cả nhà sáu miệng ăn, chỉ trông chờ vào tiệm sửa giày dép nhỏ bé của ba. Khó khăn lắm ba mới lo cho tôi lên đến lớp 12, tôi không muốn thấy ba cứ phải vì tôi mà gầy đi. Nhưng rồi tôi cũng không giấu được ba. Cô chủ nhiệm của tôi biết tin, đã đến nhà cho hay. Chiều hôm đó tôi về, ba mừng quýnh, còn tôi thì nước mắt chực trào, đưa giấy báo nhập học ba xem mà tôi cảm giác là đưa cho ba tờ giấy ký nợ.

Nhìn ba trầm ngâm, tôi rụt rè nói rõ ý định xin việc của mình. Với ba giờ đây không thể nào không đồng ý khi con số học phí ghi trên giấy báo nhập học vượt trên khả năng của ba. Ba hơi nhăn trán đưa trả lại tờ giấy báo cho tôi, rồi lắc đầu bằng một giọng quả quyết : “Không được, dù bất cứ giá nào ba cũng phải cho con vào đại học. Con đừng lo, ba liệu được”.

Rồi cuối cùng ba cũng lo cho tôi được lên Sài gòn học. Cứ cách hai tuần tôi nhận được thư ba gửi lên, nét chữ xiêu vẹo với cách viết gạch đầu dòng làm tôi nhớ ba quay

quất. Thư nào ba cũng khuyên tôi cố gắng ăn học, đừng lo lắng gì nhiều. Dù không nói, tôi cũng biết ở dưới quê ba tôi chật vật lắm mới có đủ số tiền 500.000 để gửi cho tôi hàng tháng. Ước muốn mua một cái ti vi nội địa để xem tin tức sẽ mãi mãi chỉ nằm trong cuốn sổ dự tính.

Hồi Tết tôi về, thấy ba mà đau nhói trong lòng. Ba già hơn tôi tưởng nhiều, mái tóc bạc quá nửa. Ba đã đeo kính. Tiệm giày dép vẫn vậy, chẳng lớn hơn chút nào.

Tối. Ba gọi tôi đến ngồi bên rồi mở tủ ôm ra một con heo đất. Tôi ngạc nhiên, không lẽ ba từng tuổi này mà ... Ba cười hiền lành kể cho tôi nghe. Tôi cay xè mắt khi biết số tiền hàng tháng ba gửi lên cho tôi là “*ruột*” của con heo đất này, đó chính là số tiền uống cà phê mỗi sáng của ba ...

(Nguyễn Đào Vĩnh Huy, *Con heo đất*.

Trích trong tuyển tập “*Cao hơn đỉnh Thái*” viết về

Cha tôi,

Nxb Tuổi Trẻ, 1998.)

I. KHÁI NIỆM

- Tiết: giảm bớt, hạn chế, dần lại
Ví dụ: + Tiết độ trong ăn uống
+ Tiết giảm trong tiêu xài
- Kiệm: dành dụm, không hoang phí, có chừng mực
Ví dụ: + Kiệm ước: có dè xẻn, chừng mực
+ Kiệm cần: cố gắng làm việc, ít tiêu xài
- Tiết kiệm là hạn chế đúng mức, chi tiêu dè xẻn, không hoang phí, trong việc sử dụng tiền của, sức khỏe, ...

II. NHỮNG LĨNH VỰC TIẾT KIỆM

1. Tiết kiệm tiền của: việc sử dụng tiền bạc, của cải thuộc cá nhân và tập thể.

a. Về tiền bạc

- Tiêu xài điều độ: đừng làm ít xài nhiều, ăn tiêu quá độ, hoang phí, gạt bỏ những nhu cầu giả tạo.

- Định mức chi thu: lập sổ thu chi rõ rệt, không vay nợ để sắm sửa, trang hoàng hoặc tổ chức lễ lạc ...

- Dùng tiền: phải lẽ, đúng mức cần thiết, không bủn xỉn, hà tiện, phòng những lúc túng thiếu.

b. Về của cải

- Của tư :

+ Sử dụng đúng mức

+ Cẩn thận để được lâu bền

+ Tiết kiệm tiền mua sắm.

- Của công:

+ Sử dụng tiết kiệm điện nước, vừa phải, khoá ngay sau khi dùng để tránh phung phí.

+ Đồ chung sử dụng xong trả về chỗ cũ, hư hoặc mất phải trình với người hữu trách.

+ Sách mượn của người khác và thư viện, không viết vẽ bậy, đề tên mình. Khi mượn khoá hoặc chuyển đi nơi khác phải hoàn trả đầy đủ, hư hoặc mất phải báo cho người hữu trách để bồi thường.

2. Tiết kiệm sức khoẻ: sức khoẻ là vốn quý của con người nên cần bảo vệ sức khoẻ bằng sự điều độ

a. Về ăn uống

- Ăn những thức ăn bổ dưỡng, đủ sinh tố, và sạch sẽ.
- Nấu nướng thức ăn cho thật kỹ. Khi ăn rau sống phải rửa sạch, ngâm nước muối.
- Khi ăn cần nhai kỹ, giúp dạ dày tiêu hoá dễ dàng.
- Uống những nước nấu chín, sạch sẽ.
- Tránh uống những nước giải khát có chất hoá học.
- Tránh uống những rượu mạnh có chất kích thích.
- Không nên hút thuốc lá nhiều, vì có hại cho sức khoẻ, trừ trường hợp xã giao.

b. Về giấc ngủ

- Không nên thức khuya, vì hao tổn tinh thần
- Tránh ngủ nướng, sẽ làm mệt thân thể.
- Không thức đêm làm những việc vô bổ.
- Một ngày nên ngủ khoảng tám giờ.

c. Về làm việc

- Làm việc có chừng mực, đúng giờ, đúng việc.
- Tránh đam mê quá và làm rã sức một công việc được hoàn tất.
- Khi mệt mỏi nên giải trí, tạm nghỉ, tránh sinh bệnh.
- Đối với việc học nên áp dụng công thức 50 : 10, nghĩa là học khoảng 50 phút, thì nghỉ ngơi hoặc thư giãn. Không nên dầm mưa, giải nắng nhiều trong lúc làm việc. Đang làm thấy mưa, có thể ngưng chốc lát, để tránh đau ốm.

d. Tập thể dục

- Sáng thức dậy, nên tập thể dục đều đặn, thường xuyên để khí huyết lưu thông, gân cốt vững chắc.
- Tập thể dục giúp con người mạnh khoẻ, làm việc hiệu quả hơn.
- Khỏe mạnh sẽ góp phần xây dựng gia đình,...

- Yếu ớt là gánh nặng cho người khác.

3. Tiết kiệm thời giờ: đúng giờ, đúng hẹn, sử dụng thời giờ vào những việc hữu ích

a. Đúng giờ

- Giờ nào việc nấy
- Sắp xếp công việc đúng giờ, hoàn thành đúng lúc.
- Mỗi công việc đều có thời lượng nhất định, không nên lấn sang thời giờ của những công việc khác.
- Đúng giờ là cách biểu thị thái độ lịch sự, một tấm lòng nhân ái, huynh đệ.
- Trái với tính đúng giờ là trễ nải, đến trễ về sớm, không giữ đúng hẹn, không thi hành đúng kết ước.
- Muốn đúng giờ, phải lập thời khoá biểu, sắp xếp công việc, biết lo xa và dự phóng những bất thường.

b. Đúng hẹn

- Đúng hẹn là thể hiện chữ “tín”.
- Khi hẹn với người khác về thời gian cũng như công việc, phải bố trí và thi hành cho đúng hẹn.
- Đúng hẹn là một cách tự trọng, thái độ lễ phép đối với cộng đoàn hay tập thể.

III. NÉT XẤU NGHỊCH VỚI TIẾT KIỆM

- Lãng phí là tiêu xài tiền bạc, sức khoẻ, thời gian không đúng mục đích. Nếu có đúng mục đích thì lại quá xa hoa, và phí tổn.
- Lãng phí sức lao động: tổ chức kém, thiếu tinh thần trách nhiệm, phân chia công việc và nhân sự thiếu tính khoa học

- Lãng phí thời giờ: làm việc câu giờ, ham mê những công việc phụ nên quên hoặc không để ý đến công việc chính. Chuẩn bị sắp xếp công việc cho có tổ chức, thứ tự, lớp lang (tổ chức hội họp). Việc gì có thể làm hôm nay xin chờ để ngày mai.

Câu hỏi gợi ý

1/ Tiết kiệm và keo kiệt khác nhau như thế nào ?

2/ Không đúng giờ, đúng hẹn sẽ đưa đến tai hại nào ?

Bài 3

LIÊM CHÍNH

*“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.”*

(Mt 5,8)

Chuyện kể

Dương Chấn được bổ đi làm quan là Thái thú ở quận Đông Lai. Lúc đi phò nhậm, qua đất Xương Ấp, quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước nhờ ông đề bạt cho, vào yết kiến. Rồi đợi đêm khuya lại đem vàng đến lễ.

Dương Chấn bảo:

Trước tôi biết ông là người khá, mới cử ông lên, thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng đến cho tôi ư?

Vương Mật cố nài, thưa rằng :

Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya, không ai biết.

Dương Chấn nói:

Trời biết, đất biết, tôi biết, ông biết, sao lại nói là không ai biết?

Vương Mật nghe nói xấu hổ lui ra.

Dương Chấn thật là một ông quan thanh liêm, chỉ chăm làm việc dân việc nước, không tham nhũng, không làm giàu cho mình. Ông thường nói : làm quan mà để được cái tiếng thanh bạch cho con cháu, chẳng quý hơn là để tiền của, ruộng vườn lại cho chúng ư ?

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân, *Cổ học tinh hoa*,

Nxb Văn Học, Hà nội, 2001.)

I. KHÁI NIỆM

- Liêm nghĩa là trong sạch, ngay thẳng, không tham lam, luôn tôn trọng gìn giữ của công và của mọi người. Liêm được hiểu theo nghĩa trong sạch thể xác lẫn tâm hồn.

- Người thanh liêm là người trong sạch, liêm khiết, không tham ô, hối lộ của dân, ăn cắp của công trong khi thi hành nhiệm vụ. Trái lại, người thanh liêm luôn tôn trọng và gìn giữ những của công ích.

- Trái với đức thanh liêm là hối lộ, tham nhũng

Ví dụ: + Cắp dưới hối lộ cấp trên

+ Cắp trên ăn bớt, ăn cắp của công

II. TRONG SẠCH TÂM HỒN

1. Sạch tội

Sạch tội là một tâm hồn trong trắng, không vướng mắc tội lỗi, hoặc nếu có vướng mắc thì biết ăn năn, sám hối, quyết tâm sửa đổi, càng sớm càng tốt.

Ví dụ: Chuyện Mađalêna, Dakêu, Augustinô, Phêrô.

2. Đức khiết tịnh

Đức khiết tịnh là nhân đức giúp ta sống trong sạch trong tư tưởng, tâm tình, ngôn ngữ, cử chỉ và hành động.

Ví dụ: Chuyện thánh nữ Maria Goretti

3. Lỗi đức khiết tịnh

Lỗi đức khiết tịnh là phạm những gì thuộc dâm ô khi suy tưởng, ước muốn hay thực hiện

Ví dụ: Ước muốn vợ (chồng) người khác

4. Phương pháp giữ tâm hồn trong sạch: 3 điều

- Cầu nguyện, lãnh bí tích, trông cậy ơn Chúa

- Sáng suốt làm chủ ngũ quan và trí tưởng tượng

- Sống lịch sự trong ăn mặc, nói năng, đi đứng, giao tiếp, nhất là xa lánh dịp tội.

III. TRONG SẠCH THỂ CHẤT

Người đời thường nói: “Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm”. Như vậy, sạch sẽ thể chất là sạch sẽ về thân xác và đồ dùng

1. Sạch sẽ thân xác

Người lịch sự và có giáo dục phải biết sống sạch sẽ, biết giữ gìn thân thể sạch sẽ bằng cách tắm rửa thường xuyên, biết đánh răng, chải tóc, cạo râu, rửa răng, cắt móng tay, móng chân, ...

Tuy nhiên, người lịch sự cũng cần chú ý những điểm sau đây:

- Khạc nhổ: không khạc nhổ nơi công cộng, muốn khạc nhổ thì khạc vào khăn tay và hết sức tế nhị.
- Khi hắt hơi, hỉ mũi, ngáp, ợ, ...phải nhẹ nhàng, dùng khăn hoặc tay che miệng
- Tránh gãi đầu, ngoáy tai, cắt hay cắn móng tay, bẻ tay, cạy mũi, ... nơi công cộng và trước mặt người khác

2. Sạch sẽ trang phục

- Quần áo ảnh hưởng trực tiếp đến cá tính con người. Người ta có thể thay đổi cá tính nhiều lần trong ngày bằng cách thay đổi quần áo.

Ví dụ: ngủ dậy, đi ra ngoài hoặc đến những nơi quan trọng cần thay đổi quần áo cho thích hợp.

- Quần áo còn thể hiện nhân cách con người. Qua trang phục, người ta sẽ biết bạn là loại người nào

Ví dụ: Người nghiêm chỉnh, cầu thả, lịch sự, vô lễ, đơn sơ, cầu kỳ, trí thức, dốt nát, văn minh, quê mùa, ...

- Trang phục phải sạch sẽ, giản dị, đứng đắn. Tránh mặc lôi thôi, cầu thả, hôi hám, loè loẹt, hở hang kỳ dị, ...

Ví dụ: Cẩn thận cài nút khuy và dây kéo, ...

- Trang phục đúng nơi: tùy theo mỗi nơi, mỗi việc, trang phục phải khác nhau

Ví dụ: Đi học, đi lễ, thể thao, tắm, ngủ, ...

3. Sạch sẽ trong cách ăn nết ở

- Ăn uống: khoan thai, sạch sẽ, gọn gàng. Học biết cách ăn với muỗng, nĩa, dao, đũa, chén, đĩa, ... Khi ăn chung cần để ý đến người khác: cách ăn (và cơm, húp canh, gắp thức ăn), nhường nhịn, Khi uống thì uống từng hớp, nhẹ nhàng, không nên vừa nhai vừa uống. Xỉa răng khi còn ngồi ở bàn ăn. Không nên xỉa răng trong lúc đi đường, lúc tiếp chuyện.

- Nơi ở: nhà ở, phòng ngủ, giường chiếu cần sạch sẽ, gọn gàng. Mỗi ngày phải quét dọn, lau chùi ít là một lần, đặc biệt rác phải bỏ vào thùng.

IV. LỢI ÍCH CỦA SẠCH SẼ

- Thể chất sạch sẽ, thân xác khoẻ mạnh

- Tránh đau ốm, bệnh tật

- Tâm hồn trong sạch thì tinh thần minh mẫn, thoải mái, thanh thản, sáng suốt, ...

- Sạch sẽ thể xác giúp ta dễ dàng cầu nguyện, làm việc, học hành và ngủ nghỉ, ...

V. TAI HẠI CỦA DƠ BẨN

- Thường hay đau ốm, bệnh tật, truyền nhiễm

- Gây phiền hà và lỗi bác ái với người chung quanh vì mùi hôi hám. Biểu hiện thiếu văn hoá, giáo dục và bị khinh thường.

Bài 4

CHÍNH

“Chúa để mắt nhìn người chính trực và lắng tai nghe tiếng họ kêu xin, nhưng Người ngoảnh mặt đi không nhìn kẻ làm điều ác”

(1Pr 3,12)

Chuyên kể:

Tại cửa hàng một thị trấn nhỏ, một thanh niên cao lớn, nhanh nhẹn đứng bán hàng. Ngày nọ, có bà già nhà quê vào mua hàng. Cậu trao cho bà món hàng và lấy tiền. Tối hôm đó, khi kiểm tiền, cậu thấy dư ra vài xu. Cậu nhẩm lại những người mua ngày hôm đó, và thấy số tiền dư đúng là của bà già nọ. Cậu đặt mấy xu đó vào túi, lấy mũ, đóng cửa và đi bộ tới nhà bà già cách đó 3 dặm. Cậu thiếu niên đó chính là Abraham Lincoln, sau làm Tổng thống Hoa kỳ.

I. CHÍNH TRỰC

1. Khái niệm

-Chính trực là ngay thẳng, nghiêm minh, thành thật, không thiên vị.

-Chính trực là đức tính rất cần thiết cho người lãnh đạo để quản trị và hướng dẫn cách nghiêm minh.

2. Một vài biểu hiện của người chính trực

-Người chính trực là người hành xử, sống theo sự thật, theo công lý.

-Người chính trực là người ban phát lời khen ngợi và lời khiển trách một cách nghiêm chỉnh.

-Người chính trực là người thành thật nhìn nhận lầm lỗi của mình, không đổ lỗi cho kẻ khác. Điều này thể hiện đó là một con người có trách nhiệm.

-Người chính trực không bao giờ hứa hẹn điều gì khi mình không có khả năng thi hành.

3. Lý do không chính trực

- Do tình cảm chi phối: yêu thương, nhất sợ.

- Vì ảnh hưởng của kinh tế, xã hội: ham lợi lộc, địa vị.

4. Tập luyện chính trực

-Tránh thành kiến, vì thành kiến dễ làm cho ta đối xử với người khác cách bất công. Nên nhớ rằng *‘hồ nước chỉ phản chiếu bầu trời khi nó phẳng lặng’*.

-Cần nghe theo tiếng lương tâm ngay thẳng, không để lợi lộc điều khiển mình. Người xưa đã dạy: *‘Gặp người giàu sang mà xum xoe xiêm nịnh thì rất đáng xấu hổ. Gặp người bần cùng mà ra dáng vênh vang ngạo mạn là tư cách rất hèn’* (Chu Tử)

-Là người Ki-tô hữu, mỗi người cần tập nhìn mọi việc bằng con mắt đức tin: nhìn sự việc, con người theo cái nhìn của Đức Ki-tô.

II. THÀNH THẬT

1. Ý nghĩa

-Thành thật hay chân thành là có lời nói, hành vi đúng như ý nghĩ, tình cảm có thật của mình.

-Người thành thật là người không tự dối lòng mình, không dối gạt người khác. Trong ngôn ngữ, trong cách cư

xử, hành động họ luôn thực tình, tín nghĩa. Không nói hay cư xử giả dối nhằm được tiếng khen hoặc che đậy điều xấu của mình.

2. Thế nào là người không thành thật?

- Là người giả hình, dối trá, lừa đảo, mưu mô, xảo quyệt, gian dối...

- Không thành thật trong:

*Ngôn ngữ: nói láo, nói khoác, thề gian, vu khống,...

*Trong cử chỉ: giả hình, giả bộ, ‘đóng kịch’,...

*Trong hành động: làm chứng gian, quay cóp khi thi cử, gian lận trong mua bán, lường gạt kiếm lợi, ăn gian,...

3. Lý do không thành thật

- Do sợ sệt hay khoe khoang.

- Do ác ý, dã tâm, muốn hại người khác.

- Do đam mê bất chính.

4. Tại sao phải thành thật?

- Giao tiếp, cư xử với một thái độ chân thành, thành thật sẽ luôn được mọi người tín nhiệm và yêu mến. Không thể lừa dối mọi người mãi được: *“Bạn có thể lường gạt mọi người trong một thời gian và vài người luôn mãi, song bạn không thể gạt mãi hết mọi người”* (A.Lincoln).

- Ai cũng rất sợ những người giả hình: *‘Bề ngoài thon thót nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao’* (Nguyễn Du) hay *‘Khẩu phật tâm xà’*. Đây là những điều nên tránh.

-Thành thật vì chúng ta là anh em với nhau: *‘Anh em hãy bỏ dối trá, mỗi người hãy nói thật với người đồng loại, vì chúng ta là chi thể của nhau’* (Ep 4,25).

-Thành thật vì chúng ta là con cái Thiên Chúa. *“Ta là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống”* (Ga 14,6).

5. Ích lợi của thành thật

-Người thành thật luôn được mọi người tín nhiệm và yêu mến, cởi mở tâm tình.

-Người không thành thật bị mọi người khinh bỉ, xa lánh. *‘Hễ có thì nói có, không thì nói không, thêm thất điều gì là do ác quỷ’* (Mt 5,37).

-Sách Luận ngữ dạy rằng: *‘Có ba hạng bạn bè ích lợi: bạn ngay thẳng, bạn nghe nhiều, bạn học rộng; và ba hạng người làm nguy hại: bạn làm bộ làm tịch, bạn ưa chiều chuộng, bạn nịnh bợ gian xảo’*.

III. CÔNG BẰNG

1. Ý nghĩa

-Công bằng là theo đúng lẽ phải, không thiên vị. Trả lại cho mỗi người những gì thuộc về họ.

2. Phân biệt các loại công bằng

-Công bằng giao hoán: của ai trả cho người nấy, công bằng khi trao đổi, mua bán,... Tôn trọng quyền sở hữu, trao trả cho người khác những gì thuộc về họ.

-Công bằng pháp lý: mọi cá nhân phải tuân theo những quy tắc, luật lệ nhằm thiện ích chung. Những người có trách nhiệm, cầm quyền phải đảm bảo sao cho pháp luật, công lý được thi hành.

-Công bằng phân phối: phân chia hợp lý giữa nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên trong cùng một tổ chức, cộng đồng,... một cách chính đáng. Có thể kể ra một số: nhà cửa, ruộng đất, việc làm, cơ hội phát triển,...

3. Hành động lỗi đức công bằng

-Với cá nhân: trộm cắp, cất giữ những gì thuộc người khác cách trái phép.

-Với cộng đồng: tham ô, lãng phí, lạm dụng của công

4. Góp phần xây dựng cuộc sống công bằng

-Sống tình liên đới, tương trợ trong đời sống xã hội. Trong đời sống xã hội, quyền lợi và trách nhiệm phải luôn đi đôi với nhau.

-Là một thành viên, mỗi người cần chu toàn trách nhiệm của mình trong cộng đồng.

-Quan tâm đến lợi ích chung. Tập sống tinh thần mình vì mọi người. *“Hai ngọn nguồn của công bằng là không làm hại ai và đem lại lợi ích cho mọi người”.*

Câu hỏi gợi ý

1/ Thành thật nhiều khi đưa đến thiệt thòi, điều này có dễ thực hiện không? Kinh nghiệm bản thân của bạn?

2/ Theo bạn, trong cuộc sống hiện nay, sống thành thật dễ hay khó?

3/ Là người Ki-tô hữu, bạn chọn bên nào: giữa việc sống chính trực và lợi lộc bất chính?

Bài 5

DŨNG

*“Từ thời ông Gio-an Tẩy giả cho đến bây giờ,
Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh,
ai mạnh sức thì chiếm được”*

(Mt 11,12)

Chuyện kể: Đường Đua

Chúng tôi đã rèn luyện suốt cả mùa cho cuộc đua hôm ấy. Bàn chân tôi chưa lành hẳn sau lần tổn thương trước đây. Thật lòng tôi đã cân nhắc xem có nên thi đấu hay không, nhưng rồi tôi đã có mặt, chuẩn bị để chạy 3.200m.

Tiếng súng nổ vang, tất cả chúng tôi đều rời mức xuất phát. Các cô gái khác đã lao vọt lên phía trước tôi. Tôi nhận ra bước chân mình đang khập khiễng và cảm thấy xấu hổ khi càng lúc càng bị tuột xuống phía sau. Cô gái dẫn đầu đã chạy vượt tôi được hai vòng đua và băng qua mức đến. Đám đông hò reo, cổ vũ. Chưa bao giờ tôi nghe khán giả “Hoan hô!” lớn tiếng như vậy.

Trong lúc tiếp tục chạy khập khiễng, tôi nghĩ bụng: “Hay là bỏ cuộc thôi. Thiên hạ đâu ai muốn chờ xem mình chạy hết vòng đua này”. Nhưng tôi quyết định cứ chạy tiếp. Nhịn đau chạy nốt hai vòng chót, tôi nhất quyết sang năm sẽ không đua nữa dù chân có lành cũng mặc. Bởi chẳng ích gì, không đời nào tôi thắng được cô gái đã chạy nhanh hơn tôi đến hai vòng đua.

Khi về tới đích, tôi nghe có tiếng hoan hô, cũng nhiệt tình sôi nổi y hệt như lúc họ hoan hô cô gái về nhất. Tôi tự

hỏi: “Gì thế nhỉ?”. Tôi nhìn quanh và yên trí rằng người ta đang cổ vũ cho các chàng trai đang chuẩn bị cuộc đua.

Sầm vào tôi và lên tiếng: “Tuyệt lắm!

Chị đừng cảm lắm!”.

Tôi nghĩ: “Đừng cảm ư? Cô ta lắm mình với ai rồi. Mình đã về bét mà”.

“Nếu tôi là chị, chẳng bao giờ tôi chạy hết ba cây số như chị đâu. Tôi bỏ cuộc ngay từ vòng đầu tiên. Chân chị sao thế? Hồi này chúng tôi đã hoan hô chị, chị có nghe thấy không?”.

Tôi không tin nổi. Một cô gái hoàn toàn xa lạ đã hoan hô tôi, không phải vì muốn tôi thắng mà vì muốn tôi tiếp tục, đừng bỏ cuộc. Bỗng nhiên tôi lấy lại hy vọng, và quyết tâm sang năm vẫn ra sân chạy nữa.

Hôm ấy tôi học được hai điều:

Một là, đối xử tử tế và tin tưởng người khác sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với người ấy.

Hai là, không phải lúc nào sức mạnh và dũng cảm cũng được đánh giá bằng chiến thắng và huy chương, mà bằng những gắng sức để vượt qua thử thách. Người dũng mãnh nhất không phải lúc nào cũng là người chiến thắng, mà là người dù có thua vẫn quyết không bỏ cuộc.

(Nghê Vũ Lan dịch từ Internet

Trích lại trong báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 26 năm
2003)

I. TỰ CHỦ

1. Thế nào là tự chủ?

-Tự chủ nghĩa là làm chủ tình cảm, hành động của mình, không để bị hoàn cảnh chi phối. Người tự chủ biết khắc phục mọi lo âu, sợ hãi, mọi dục vọng bất chính.

-Người tự chủ là con người tỉnh táo trước nguy nan, khó khăn, không lộ vẻ lo sợ, buồn bã, cuống cuồng.

-Người tự chủ biết dùng lý trí sáng suốt của mình để làm chủ và hướng dục vọng, bản năng của mình theo hướng tốt.

2. Tự chủ những mặt nào?

- Tự chủ trong lời nói: trầm tĩnh, kiềm chế, nói những lời cần thiết, nói cách thận trọng, không quá lời, tránh nói những lời vô ích. Chỉ nói sau khi đã cân nhắc, suy nghĩ chín chắn, thận trọng. Người xưa khuyên chúng ta: *không nên nói hết những gì bạn biết, nhưng bao giờ cũng biết hết những gì bạn nói.*

- Trong hành vi : phải tận triệt những hành vi bộp chộp, những cử chỉ thừa thãi vô ý thức. Ví dụ: tập luyện tính tự chủ trong những cử chỉ ý thức nho nhỏ, như : luôn luôn viết chữ đều đặn rõ ràng, luôn luôn sạch sẽ, luôn luôn trật tự ngăn nắp, luôn luôn để đồ vật đúng chỗ của nó... Nếu ta không điều khiển được con người của mình trong những công việc nho nhỏ hàng ngày như thế, thì khi có những biến cố lớn lao bất ngờ xảy đến, ta cũng sẽ không điều khiển được con người của mình, và mãi mãi ta cũng chỉ là kẻ bạc nhược.

- Tự chủ trong cảm xúc: nhân từ, khoan dung, không **để** cho sở thích hay tính đố kỵ điều khiển mình. Phải kiểm soát được những xúc động tình cảm, không để những tình cảm chi phối, đặc biệt tránh thói háo danh, bốc đồng.

- Tự chủ trong ý chí: rèn luyện khả năng chế ngự dục vọng xấu, tính nóng nảy, điều khiển được ngôn ngữ, phản ứng, tâm tình của mình. Bản tính của con người dễ bị điều xấu lôi cuốn nên cần biết tự chủ, tránh bị cuốn hút và nô lệ cho chúng.

3. Ích lợi của việc tự chủ

- Không nô lệ cho tình cảm vì dùng ý chí sáng suốt điều khiển suy nghĩ, lời nói, hành vi của mình.

- Hành động có thức, cương quyết.

- Tinh thần phấn khởi, ý chí mãnh mẽ vượt qua mọi trở lực.

- Thái độ sống luôn được quân bình.

4. Tập luyện tính tự chủ

- Tập thái độ trầm tĩnh trước mọi sự việc xảy đến với mình. Không vội nói, hành động khi bị dao động, vì lúc này *‘im lặng là vàng’*, đợi khi tâm trí quân bình lại rồi mới lên tiếng, quyết định.

- Suy nghĩ: dừng lại để suy xét, không hành động cách bông bột, nông nổi.

- Trong mọi hoạt động, phải biết hướng cuộc đời mình theo mục đích tốt.

II. CƯƠNG NGHỊ

1. Cương nghị là gì?

- Cương nghị là cứng rắn, giàu nghị lực.
- Người cương nghị: trước khi bắt tay vào việc, họ suy nghĩ đắn đo, cân nhắc lợi hại, rồi sau đó tiến hành công việc cho đến khi hoàn tất chu đáo. Người cương nghị **thường** quyết tâm làm và nỗ lực đến cùng sau khi đã quyết định thi hành một công việc.

-Người thiếu cương nghị: cũng suy nghĩ đắn đo, cân nhắc lợi hại, nhưng lúc bắt tay vào việc, họ phân vân. Kết quả là công việc dang dở, không trọn vẹn.

2. Tai hại của việc thiếu cương nghị

- Không xong công việc: vì thiếu tập trung vào việc mình làm. Người xưa có câu: *‘Thành do quả quyết, hỏng vì do dự’*.

- Luôn thay đổi, việc nọ xọ việc kia, kết quả là chẳng việc nào trọn vẹn. Vì một trong những bí quyết để thành công là duy trì mục đích nên người ta thường nói thất bại không phải vì thiếu khả năng, mà vì không đủ hăng hái tích cực, không chịu đòi hỏi và quyết tâm đạt cho được cái mình muốn.

3. Luyện tập cương nghị thế nào?

- Cần rèn luyện ý chí: tập suy xét cẩn thận, và khi quyết định làm thì làm đến cùng. Để đạt mục đích, ta phải luôn tâm niệm: nhất định đạt cho được cái mình muốn.
- Tập khởi sự cương nghị từ những việc nhỏ, đừng bao giờ khinh thường việc nhỏ, vì : *‘Người làm nên những*

việc kỳ diệu thường bắt đầu bằng những việc nhỏ'. Phải muốn làm và làm cho được những việc nhỏ nhất, dễ dàng.

- Tập đừng hối tiếc khi đã quyết định, thi hành.

**Đơn cử một mẫu gương:*

Edison đã thử nghiệm hơn 200 chất khác nhau trong việc thử nghiệm để tìm dây tóc bóng đèn. Một người nào đó nói với ông ta rằng: *"Anh đã thất bại 200 lần sao anh không bỏ cuộc?"*

Ông trả lời, *"Không sao cả. Tôi đã khám phá ra hơn 200 thứ không sử dụng được. Bây giờ tôi sẽ sớm tìm ra một thứ xài được".*

Và cuối cùng ông đã thành công...

Câu hỏi thảo luận

- 1/ Theo bạn, để có được tính tự chủ có dễ dàng không?
- 2/ Với bạn, trong các mặt: ngôn ngữ, cảm xúc, hành vi, tự chủ về mặt nào là khó nhất?
- 3/ Bạn có là người cương nghị chưa? Tính cương nghị giúp gì cho bạn?

Bài 6

NHÂN

*“Anh em hãy yêu thương nhau
như Thầy đã yêu thương anh em”*

(Ga 13,34)

Chuyện kể: HÃY THẮP LÊN MỘT QUE DIÊM

Một bữa tối tại vận động trường Los Angeles, Mỹ, một diễn giả nổi tiếng- ông John Keller, được mời thuyết trình trước khoảng 100.000 người. Đang diễn thuyết, bỗng ông dừng lại và đồng dục nói:

- Bây giờ xin các bạn đừng sợ! Tôi sắp cho tắt tất cả đèn sáng trong sân vận động này.

Đèn tắt. Cả sân vận động chìm sâu trong bóng tối âm u. ông John Keller nói tiếp:

- Bây giờ tôi đốt lên một que diêm. Những ai nhìn thấy ánh lửa của que diêm đang cháy thì hãy hô một tiếng thật lớn “Đã thấy!”.

Một que diêm được bật lên, cả sân vận động vang lên: “Đã thấy!”.

Sau khi đèn được bật sáng trở lại, ông John Keller giải thích:

- Ánh sáng của một hành động nhân ái dù bé nhỏ như một que diêm cũng sẽ chiếu sáng trong đêm tăm tối của nhân loại y như vậy.

Một lần nữa, tất cả đèn trong sân vận động lại được tắt. Một giọng nói vang lên:

- Tất cả những ai ở đây có mang theo diêm quẹt, xin hãy đốt cháy lên! Bỗng chốc cả vận động trường rực sáng.

Ong John Keller kết luận:

- Tất cả chúng ta hợp lực cùng nhau có thể chiến thắng bóng tối, chiến tranh, khủng bố, cái ác và oán thù bằng những đốm sáng nhỏ của tình thương, sự tha thứ và lòng tốt của chúng ta. Hòa bình không chỉ là môi trường vắng bóng của chiến tranh. Hòa bình không chỉ là cuộc sống chung im tiếng súng. Vì trong sự giao tiếp giữa người với người, đôi khi con người giết hại nhau mà không cần súng đạn, đôi khi con người làm khổ nhau, áp bức bóc lột nhau mà không cần chiến tranh.

Cách tốt nhất để xây dựng hòa bình là tăng thêm thật nhiều những hành động yêu thương và hảo tâm với đồng loại. Những hành động yêu thương xuất phát từ lòng nhân hậu sẽ như những ánh sáng nho nhỏ của một que diêm. *Nhưng nếu mọi người cùng đốt lên những ánh sáng bé nhỏ, những hành động yêu thương sẽ có đủ sức mạnh để xua đuổi bóng tối của những đau khổ và cái ác.*

(Vũ Hoàng, theo Love&Life

Trích lại trong Báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 42 năm
2001)

I. NHÂN ÁI

1. Thế nào là nhân ái?

-Là nhân đức dạy ta biết yêu thương và tha thứ cho nhau, phục vụ nhau theo gương đức Giê-su.

2. Lý do phải yêu người

-Xét về tự nhiên: “*Tứ hải giai huynh đệ*”, người trong bốn biển đều là anh em. Là con người, ai cũng được mời gọi sống yêu thương.

-Xét về mặt siêu nhiên: Thiên Chúa luôn dạy chúng ta, đòi hỏi con người phải yêu thương nhau.

-Nền tảng lòng nhân ái: “*Thiên Chúa là tình yêu, ai yêu thương thì ở trong Thiên Chúa*”. Con người được tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa và Chúa đã yêu thương con người qua việc chấp nhận sống thân phận như con người, chết để chuộc tội loài người. Đó là bài học yêu thương lớn nhất.

-Có thể nói: Ôn gọi của mọi người Ki-tô hữu là ơn gọi sống yêu thương.

3. Phải yêu người như thế nào?

* Với người Ki-tô hữu, chúng ta có Kim chỉ nam để thực hành yêu thương là Thương xác bảy mối và Thương linh hồn bảy mối:

-Về mặt thể xác: Cho kẻ đói ăn; Cho kẻ khát uống; Cho kẻ rách rưới ăn mặc; Thăm kẻ bệnh tật, tù tội; Cho khách trọ nhà; Chuộc kẻ làm tội; Chôn xác kẻ chết.

-Về mặt linh hồn: Lấy lời lành khuyên người; Dạy kẻ mê muội; An ủi kẻ âu lo; Răn bảo kẻ có tội; Tha thứ kẻ

thù; nhin kẻ làm phiền ta; Cầu nguyện cho người sống và người đã chết.

4. Một vài đòi hỏi của tình yêu

-Yêu với tình yêu phổ quát: Ta phải thực thi yêu thương với tất cả những ai ta gặp trên đời, dù là quen hay lạ, già hay trẻ, bạn hay thù, và trong mọi môi trường : gia đình, học đường, xã hội... thái độ của người sống yêu thương là đón nhận, không loại trừ ai. Người ta chỉ có ghét nết xấu nơi con người chứ không ghét con người.

-Yêu là dẫn thân: không chỉ yêu thương qua ‘đầu môi chót lưỡi’ nhưng bằng hành động thực tế, cụ thể. Đem niềm vui, hạnh phúc đến cho mọi người. Không yêu thương cách chung chung nhưng phải bằng hành động cụ thể, việc làm thiết thực với những người chúng ta gặp gỡ hàng ngày.

-Yêu là phục vụ: yêu thương cần hy sinh về sức khoẻ, thời gian, của cải, khả năng,... Yêu là cho đi. *“Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình”* (Ga 15,13).

II. NHÂN TỪ – THA THỨ

Điều khó nhất trong việc yêu người là Tha thứ. Tha thứ là cách trả thù cao thượng nhất.

1. Ý nghĩa:

-Tha thứ là nhìn nhận mình bị xúc phạm và đồng thời chấp nhận người phạm lỗi cần được yêu thương, tôn trọng, tha thứ.

-Tha thứ không phải là quên đi mọi lỗi phạm, sai trái nhưng là để nó tan biến trong biển cả của tình thương yêu.

“Oán không diệt được oán, chỉ có tình thương mới diệt được nó mà thôi” (Thích Ca).

-Tha thứ không phải là yếu nhược, mặc kệ, hay không thèm để ý tới,... mà là can đảm làm cho sự thông cảm vượt qua tự ái cá nhân, tức giận, báo thù, để hoà giải với người xúc phạm đến mình. Tha thứ không phải là chịu thua kẻ đối đầu với mình, nhưng là sẵn sàng bỏ qua tất cả

2. Giá trị của tha thứ

- Tha thứ là làm điều thiện cho kẻ gây khổ cho mình, vì khi tha thứ, ta không sợ báo thù, làm cho cuộc sống chung bình an.

- Tha thứ được gọi là ‘tuyệt đỉnh của tình yêu’, vì nó đòi ta vượt qua từ tình yêu vị kỷ đến tình yêu kẻ thù.

-Tha thứ là một nhân đức anh hùng. Một khả năng của Thiên Chúa tình yêu.

- Tha thứ là trao ban cao cả nhất, vì không chỉ là cho đi tiền của vật chất, mà là cho đi lòng bao dung, cho đi chính con người mình.

3. Tha thứ đem lại ích lợi gì ?

-Tạo niềm vui trong lòng: tâm hồn được thanh thản, thư thái và an vui, không vương bận chuyện trả đũa... Rồi bạn sẽ cảm nghiệm được lòng vị tha làm cho thể xác lẫn tâm hồn bạn an nhàn thư thái và thêm phong phú. Nhìn về tương lai, bạn sẽ tìm lại được niềm vui sống trong quan hệ với tha nhân.

- Giải toả căng thẳng: giúp cho mối tương quan giữa ta và tha nhân, giữa các thành viên trong một tổ chức, cộng đoàn được tốt đẹp. *“Không có hoà bình nếu không có công lý, không có công lý, nếu không có sự thứ tha” (Gio-an Phao-lô II)*

- Tha thứ là chiến thắng: chỉ có tha thứ mới xoá bỏ được hận thù, làm tình yêu thương lan toả đến mọi người. Gây thương tích chứng tỏ bạn thấp kém hơn kẻ thù, trả thù là xem mình ngang hàng với nó, còn tha thứ mới chứng tỏ bạn cao thượng hơn kẻ thù.

4. Làm sao có được tinh thần tha thứ?

- Tập tha thứ trong những chuyện nhỏ: những xúc phạm thường ngày.

- Dám chịu thiệt thòi vì tin rằng tha thứ có sức hoán cải lòng người.

- Nhìn mọi người với ánh mắt cảm thông, nhân từ, biết chạnh lòng thương người.

- Luôn tự kỷ ám thị: tha thứ sẽ được thứ tha.

Câu hỏi thảo luận:

1/ Với bạn, tha thứ dễ hay khó? Kinh nghiệm tha thứ của bạn thế nào?

2/ *“Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy”* (Mt 18,22). Đức Giê-su muốn dạy điều gì?

3/ Hãy kể những tấm gương về lòng nhân ái mà bạn cảm thấy ấn tượng với bạn. Bạn học được gì qua những tấm gương ấy?

Bài 7

NGHĨA

*Ai không biết lo lắng đến người thân thuộc và nhất là gia
quyển mình, là đã chối bỏ đức tin và còn tệ hơn là người
không tin
(1 Tm 5,8)*

Chuyện kể : MUA NGHĨA

Mạnh Thường Quân nhà giàu có, cho vay mượn nhiều. Một hôm sai Phùng Huyền sang đất Tiết đòi nợ. Lúc sắp đi, Phùng Huyền hỏi:

Tiền nợ thu được, có định mua gì về không?

Mạnh Thường Quân nói:

Người xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua.

Khi đến đất Tiết, Phùng Huyền cho gọi dân lại bảo rằng:

- Các người công nợ bao nhiêu, Mạnh Thường Quân đều cho cả.

Rồi đem văn tự ra đốt sạch cả.

Lúc về, Phùng Huyền đã ân cần thưa với Mạnh Thường Quân rằng:

- Nhà tướng công châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, người đẹp đầy nhà, không còn thiếu thứ gì nữa. Chỉ còn thiếu một cái “nghĩa”, tôi trộm phép vì tướng công đã mua về.

Mạnh Thường quân nghe thấy nói thế, cũng không hỏi gì đến tiền nữa.

Sau Mạnh Thường Quân phải bãi quan về ở đất Tiết, dân đất Tiết nhớ ơn xưa ra đón rước. Mạnh Thường Quân bấy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyền rằng:

- Trước tiên sinh vì tôi mua nghĩa, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy.

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân,

Cổ học tinh hoa, NXB Văn Học)

I. KHÁI NIỆM

Lòng biết ơn là hiểu biết và bày tỏ điều mình nhận biết về giá trị vật chất và tinh thần của những điều tốt, những tấm lòng, những món quà mà người khác đã trao tặng, đã giúp đỡ mình.

II. BỐN PHẬN BIẾT ƠN

- Làm ơn có thể không đòi trả nghĩa, nhưng kẻ đã chịu ơn phải có bốn phận đền đáp. Cho đi không mong nhận lại, nhưng kẻ đã nhận thì có bốn phận phải đáp trả bằng sự biết ơn.

- Như vậy, có thể nói được: kẻ chịu ơn có bốn phận phải biết ơn, và người làm ơn có quyền được biết ơn.

- Bốn phận biết ơn phải tương xứng với các giá trị của ơn đã nhận, nếu không thực hiện tương xứng, thì cũng phải tỏ ra bằng lời cảm ơn hoặc bằng cử chỉ chứng tỏ mình hiểu biết ơn.

III. GIÁ TRỊ CỦA ƠN NGHĨA

- Thí dụ: có người gởi cho tôi chiếc áo đẹp, giá 100.000đ.
- Giá trị vật chất: được tính bằng tiền mua món quà.
- Giá trị tinh thần: là biểu lộ tình thương, mang ý nghĩa sự cho đi phần nào nơi người tặng (thời giờ, suy nghĩ, tình thương).

- Giá trị thiêng liêng: quà tặng đó có thể tặng cho người khác, nhưng đã có sự lựa chọn cho chính tôi, với ý hướng mong muốn cho tôi nên tốt, khích lệ tôi thăng tiến trong cuộc sống.

IV. LỢI ÍCH CỦA BIẾT ƠN

- Biết ơn, để xứng đáng là người hơn (có giáo dục)
- Biết ơn để xứng đáng với ơn đã lãnh nhận.
- Biết ơn để xứng đáng nhận thêm các ơn khác.

V. LUYỆN TẬP LÒNG BIẾT ƠN

- Nên nhớ, ta sống trong tình liên đới: đời tôi hiện nay là do biết bao nhiêu công ơn đã lãnh nhận và sẽ còn hưởng nhờ bao nhiêu ơn khác, do người khác nâng đỡ, yêu thương cung cấp.

- Đừng tưởng mình không chịu ơn ai: bản thân của ta, từ vật chất đến tinh thần, đã- đang và sẽ được xây dựng bằng biết bao công ơn của người khác ...

- Đừng tưởng mình không mắc nợ ai: tiền của vật chất, có thể trả được, nhưng ân nghĩa, tình thương, những giọt mồ hôi, nước mắt, những gì thiêng liêng cao quý, làm sao hiểu cho hết, trả cho đúng được?

- Hãy tập nói lời cảm ơn mỗi khi được giúp đỡ và cố gắng bày tỏ lòng biết ơn qua thái độ tôn trọng, yêu mến, thảo hiếu với người đã nuôi dưỡng, dạy dỗ, giúp đỡ ta. Hãy biên thư, gửi thiệp, tặng quà cảm ơn đến những thân nhân và ân nhân gần xa.

- Hãy tỏ lòng tri ân đối với Thiên Chúa, ta sẽ dễ dàng biết ơn người khác, và nhờ biết ơn người khác, ta sẽ gia tăng lòng biết ơn Chúa. Hai tâm tình ấy sẽ làm cho cuộc sống hàng ngày của ta thêm phong phú, vui tươi và hạnh phúc hơn.

Bài 8

LỄ

Lễ là lễ độ, lễ phép: là những hành vi nhã nhặn, lịch sự, khiêm tốn, thể hiện nơi người có văn hoá, giáo dục, biết tôn trọng người và tôn trọng chính mình trong cách cư xử, giao tiếp. Lễ phép, lịch sự là những quy định giúp cuộc sống giữa người với người được êm đẹp. Nền tảng của phép lịch sự là công bằng- bác ái và cái hồn của lịch sự là chân thành.

(xem phần I. Người lịch sự)

Câu hỏi gợi ý

- 1/ Bạn đã làm những việc cụ thể nào để thể hiện lòng biết ơn của mình đối với những người trên của mình?
- 2/ Bạn thường sử dụng câu nói lịch sự nào trên môi miệng?

Bài 9

TRÍ

*Ai nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành, thì ví
được như người khôn xây nhà trên đá*
(Mt 7,24)

Chuyện kể: ỨNG ĐỐI GIỎI

Án Tử sắp sang sứ nước Sở, vua nghe thấy bảo cận thần rằng:

- Án Tử là một tay ăn nói giỏi nước Tề, nay sắp sang đây, ta muốn làm nhục, có cách gì không?

Cận thần thưa:

- Đợi bao giờ Án Tử sang, chúng tôi xin trối một người, dẫn đến trước nhà vua.

- Để làm gì?

- Để giả làm người nước Tề.

Cho là phạm tội gì?

- Tội ăn trộm.

Lúc Án Tử đến nơi, vua Sở làm tiệc thết đãi tử tế. Rượu uống ngà ngà, bỗng thấy hai tên lính điệu một người bị trối vào.

Vua hỏi:

- Tên kia tội gì mà phải trối thế?

Lính thưa:

- Tên ấy là người nước Tề phải tội ăn trộm.

Vua đưa mắt nhìn Án Tử hỏi rằng:

- Người nước Tề hay trộm cắp lắm nhỉ!

Án Tử đứng dậy thưa rằng:

- Chúng tôi nghe cây quất mọc ở đất Hoài Nam thì là quất ngọt, đem sang trồng ở nơi đất Hoài Bắc thì hoá quất chua. Cành lá giống nhau mà quả chua, quả ngọt khác nhau là tại làm sao? Tại thủy thổ khác nhau vậy. Nay dân sinh trưởng ở nước Tề thì không ăn trộm, sang ở nước Sở thì sinh ra trộm cắp, có lẽ cũng tại vì cái thủy thổ khác nhau nó xui khiến ra như thế chăng?

Vua Sở cười nói:

- Ta muốn nói đùa thành phải chịu nhục. Thế mới hay kể cả không nên nói đùa bao giờ.

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân,

Cổ học tinh hoa, NXB Văn Học)

I. KHÔN NGOAN

Khôn ngoan, có nghĩa là “không ngu”.

Người khôn ngoan là người có bộ óc sáng suốt, biết nhận xét khách quan, suy nghĩ chín chắn, phán đoán chính xác, biết tiên liệu vấn đề.

Muốn được khôn ngoan sáng suốt, ta cần tập luyện biết tiên liệu và óc thực tế.

1. Biết tiên liệu

a. Tiên liệu là gì?

Đó là việc nhận định trước khi bắt tay làm việc: việc gì, mục tiêu nào nhắm đạt đến, phương tiện nào chuẩn bị, khó khăn nào xảy đến, chướng ngại nào vượt qua, kết quả sẽ ra sao?

Ví dụ: việc xây nhà, công tác xã hội, việc học tập...

b. Lợi ích:

“Làm việc gì có chuẩn bị trước thì thành tựu, không phòng xa thì hư hỏng. Lời nói mà chuẩn bị trước thì không vấp vấp, làm việc tính trước thì không thất bại, nét hạnh có trước thì không lỗi lầm” (Sách Trung Dung).

“Không biết lo xa, ắt phải sầu gần” (Sách Luận Ngữ)

c. Tập tiên liệu

- Biết rõ mình sắp làm việc gì, rồi mới bắt tay làm việc với dự toán ban đầu.

- Phải điều tra, trước khi đầu tư vào việc.

- Phải biết phương pháp: xem, xét, rồi làm.

2. Sống thực tế

a. Người thực tế

- Đó là người thấy rõ, thấy đúng, thấy xa về một người, một việc.

- Là người biết mình, biết khả năng và giới hạn của mình một thành thật, không khoác loác.

- Là người biết nhìn toàn thể sự vật, một cách tổng quát, toàn bộ.

b. Cần thiết có óc thực tế

- Bất kì công việc nào, muốn đạt hiệu quả tốt, ta cần phải đi sát với thực tế để thấy rõ mọi tình huống có thể xảy ra trước đó và sau đó.

c. Luyện tập óc thực tế

- Trong học tập: ta phải chú trọng đến phần thực hành, vì hiểu lí thuyết mà chưa thực hành là chưa phải đã có sự hoàn thành cách hiệu quả.

- “Biết dùng cái không tránh được để tạo ra cái hữu dụng” (Talleyrands)

- Luyện tập “thấy rõ, thấy đúng, thấy xa”, vì đó là 3 nét đặc thù của người thực tế.

- Sống và làm việc cần có phương hướng đúng.

II. SÁNG KIẾN

1. Sáng kiến là gì?

- Đó là ý tưởng mới lạ và độc đáo do mình nghĩ ra, không bắt chước ai.

- Người có óc sáng kiến luôn suy nghĩ, tìm, tòi, khám phá, phát minh ra những điều mới lạ.

2. Nền tảng của sáng kiến

- Do quan sát: để thấy, để biết sự kiện.

- Do trí thông minh: biết suy nghĩ, đặt vấn đề.

- Do kinh nghiệm: nhờ từng trải, rút được kinh nghiệm, tạo mới.

3. Phát huy sáng kiến

- Phải tự tin, nghĩa là cố gắng tìm hiểu để tự giải quyết các vấn đề trong khả năng của mình.

- Học tập quan sát, thu thập kiến thức khoa học, thông tin kĩ thuật, theo dõi tiến bộ khoa học để cải thiện sinh hoạt.

- Rút kinh nghiệm của người khác để học cái hay, tìm cái mới trong cuộc sống.

- Luôn vượt khó, bằng cách tạo phương tiện thích ứng mới với thực tế.

- Luôn cải tiến việc học bài, làm bài, đường lối làm việc phải rõ ràng và bền bỉ.

III. ÓC TỔ CHỨC: LÀM VIỆC CÓ PHƯƠNG PHÁP

1. Định nghĩa

- Tổ chức: là sắp đặt cho có trật tự, nề nếp, thể thức.
- Theo nghĩa ứng dụng: tổ chức là sắp đặt công việc gì cho có đủ bộ phận, ngăn nắp hầu dễ tiến hành. Nói cách khác, tổ chức là làm sao cho công việc đỡ tốn thời giờ, tiền bạc, nhân lực mà thu hoạch thành quả tối đa.

2. Hai lối tổ chức

a. Tổ chức theo kinh nghiệm:

Đó là lối tổ chức kiểu “cha truyền con nối”, người trước để lại cho người sau. Đây là kiểu nông dân...

b. Tổ chức theo khoa học:

Đó là môn học dạy ta tìm kiếm những phương pháp chính xác, hợp với khoa học, để làm công việc nào đó, dù lớn hay nhỏ, một cách ích lợi, đỡ tốn giờ, tốn tiền tốn sức.

3. Phương pháp tổ chức khoa học

Gồm 6 khâu sau:

1/ Chuẩn bị

- Dự tính : Xác định công việc, nhắm mục tiêu, tìm phương tiện, xem nhân sự.
- Nên đặt các câu hỏi: tôi muốn làm gì? Nhằm để làm gì? Tôi đang có gì? Tôi sẽ làm thế nào?
- Muốn chuẩn bị tốt, cần có óc thực tế và tiên liệu, đừng khuếch đại cũng đừng giảm thiểu, keo kiệt.

2. Phân công phân nhiệm

- Cần hiểu khả năng của mình và của người cộng tác. Đừng ôm đồm nhiều việc. Người có óc tổ chức cần biết phân công phân nhiệm sao cho “đúng người, đúng việc”, phù hợp với khả năng, sở thích của từng người.

- Sự phân công phân nhiệm cần chính xác, rõ ràng, xác định: với ai? Việc gì? Bao lâu? Bao nhiêu? Khi nào? Thế nào?

3. Hệ thống hoá (vẽ sơ đồ tổ chức)

- Là xếp đặt, quy định rõ rệt các chức vụ và nhân viên trong khuôn khổ kỉ luật, trật tự, nhằm bảo đảm năng suất cá nhân và tập thể.

- Việc hệ thống hoá giúp cho mỗi người biết vị trí và vai trò của mình trong ập thể, trách nhiệm và bốn phận nào mình phải chu toàn, ai là người chịu trách nhiệm cuối cùng... nếu vì lí do nào đó người lãnh đạo vắng mặt, công việc vẫn hoạt động.

4. Phối trí

- Là nhiệm vụ tất yếu của người lãnh đạo, vì sau khi phân công, phân nhiệm, phải nối kết họ với nhau, để năng lực hoạt động của mỗi cá nhân quy về thành công chung.

- Hai công tác phối trí: một mặt gia tăng sự nỗ lực cá nhân, nhờ đôn đốc, kiểm soát; một mặt liên kết năng suất cá nhân lại thành năng suất tập thể, nếu không, sẽ mất quân bình.

5. Kiểm soát:

- Là duyệt xét xem công việc tiến hành có đúng theo chương trình hành động không?

- Là đối chiếu kết quả thu hoạch với mục tiêu đề ra ban đầu.

- Duyệt xét để tìm thấy ưu khuyết điểm, sai trái mà điều chỉnh kịp thời, hoặc phát huy sáng kiến mới.

6. Chỉ huy

- Là điều hành, lèo lái công việc, thúc đẩy mọi hoạt động đi đến thống nhất và thành công.

- Là người lãnh trách nhiệm cuối cùng.

-Người chỉ huy cần: có Trí thông minh, nhạy bén; có Chí cương dũng, quyết tâm đi đến mục đích; có Đặc nhân tâm bằng tình cảm tao nhã, tế nhị để thu phục lòng người.

Câu hỏi gợi ý

1. Bạn đã bao giờ tiên liệu trong học tập, công việc gì chưa? Kết quả thế nào?

2/ Bạn đã bao giờ tổ chức công việc theo phương pháp khoa học chưa? Kết quả thế nào?

Bài 10

TÍN

*Hễ “có” thì phải nói “có”, “không” thì phải nói “không”
thêm thất điều gì là do ác quỷ.*

(Mt 5,37)

Chuyện kể : CÁI ĐỈNH

Nước Lỗ có một cái đỉnh rất quý. Nước Tề bắt phải đem dâng. Vua nước Lỗ tiếc lắm, cho làm một cái đỉnh giả đưa sang.

Vua Tề bảo:

- Phải có Nhạc Chính Tử đem đỉnh sang nói, thì ta mới tin.

Vua Lỗ cho gọi Nhạc Chính Tử đến, bảo đi.

Nhạc Chính Tử hỏi:

- Sao không đưa cái đỉnh thật đem đi?

Vua Lỗ nói:

- Ta quý cái đỉnh ấy lắm.

Nhạc Chính Tử thưa:

- Nhà vua quý cái đỉnh ấy thế nào, thì tôi quý cái đức Tín của tôi như thế.

Sau đó, vua Lỗ phải đưa đỉnh thật, Nhạc Chính Tử mới chịu đi.

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân,

Cổ học tinh hoa, NXB Văn Học)

I. TỰ TIN

1. Tự tin là gì?

- Là tin vào khả năng và sức lực của mình.
- Người tự tin: là người khi đã suy nghĩ và lãnh nhận công việc nào, thì vững chí, an tâm tin mình sẽ thực hiện được việc đó.
- Người thiếu tự tin thì cảm thấy mình bất tài, vô duyên, vụng về, rồi tự thâm tâm nghĩ rằng mình không thể thành công được. Chưa làm đã sợ thất bại!

2. Quan trọng của tự tin

- Cần phân biệt: tự tin không phải là tự phụ, tự đắc hay tự mãn, vì bộ 3 này là những tính xấu do kiêu căng, cần loại bỏ.
- Tự tin để dám nghĩ, dám làm: người tự tin một khi đảm nhận nhiệm vụ, họ đặt niềm tin vào 2 lãnh vực, một bên là khả năng hiện có, một bên là nhiệm vụ được uỷ thác. Khi công việc bắt đầu, họ tận dụng tài năng, ý chí vượt khó và nỗ lực tiến đến thành công.

3. Rèn luyện tự tin

a. Về mặt tự nhiên

- Dùng tự kỉ ám thị mà tiêu diệt tự ti mặc cảm: “Ông kia bà nọ nên Thánh, tại sao tôi không?” (St. Âu-tinh). Thay vào: “Ông kia bà nọ làm việc được, tại sao tôi không?”
- Muốn tự tin trong việc lớn, hãy tập tự tin trong việc nhỏ hàng ngày, nghĩa là tập lượng định công việc, xem khả năng của mình, tìm phương thế thích hợp, rồi bắt tay vào

làm việc. Nhờ thành công việc nhỏ, thêm tự tin, kinh nghiệm để làm việc lớn.

- Lòng tự tin cũng hay lây, ta nên tiếp xúc với người có bản lĩnh, tự tin, dạn dĩ, để ta cũng đạt sự tự tin.

b. Về mặt siêu nhiên

Tự tin cũng đừng quên “tin vào ơn Chúa”, hãy tin Lời Chúa “Ơn Ta đủ cho con”. Chúa sẽ an ủi hiện sống để trợ giúp ta chu toàn sứ mệnh cách tốt đẹp. Ơn gắn liền với chức vụ. Ta chỉ cần cộng tác với Ơn Chúa là thành công.

II. TRUNG TÍN

1. Ý nghĩa

- Là trung thành tuân giữ lời hứa.
- Là trước sau như một, không thay lòng đổi dạ với người mình kết ước, cho dù gặp biến cố, trắc trở.

2. Trung tín đối với ai?

a. Đối với Thiên Chúa:

Ngày chịu phép Rửa tội, ta đã thề hứa từ bỏ Xa-tan và tuyên tín vào Thiên Chúa Ba Ngôi.

b. Đối với Hội Thánh:

Trung tín với Hội Thánh, qua việc gắn bó với Đức Giáo Hoàng, các vị chủ chăn và gắn bó với nhau trong tình huynh đệ: “Chỉ một Chúa, một đức tin, một phép Rửa, một Thiên Chúa là Cha”. Sự trung tín còn đòi hỏi phải tích cực góp phần xây dựng và phát triển Hội Thánh, trong nếp sống đạo đức, công bằng, bác ái.

c. Đối với tha nhân: Giữ lời hứa.

Vài quy tắc để giữ lời hứa:

-Trước khi hứa, phải suy nghĩ cẩn thận, xem mình có khả năng thi hành hay không. Tuyệt đối không nên “vì vui đùa, nên hứa lung tung, để rồi sau đó, không giữ lời hứa”

-Đã hứa thì phải giữ, dù chịu thiệt thòi. “Người uy tín thì rất tiết kiệm lời hứa, và một khi đã hứa thì luôn giữ đúng lời”.

d. Trung tín trong việc bốn phận

“Ai trung tín trong việc nhỏ sẽ trung tín trong việc lớn...”

III. TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

1. Ý nghĩa

a. Trách nhiệm là gì?

-Là phần việc được giao cho (hoặc coi như được giao), phải bảo đảm làm hoàn thành, và gánh chịu mọi hậu quả của việc đó.

-Là sự ràng buộc, bảo đảm đúng với lời nói, hành vi của mình, nếu sai trái, phải gánh chịu mọi hậu quả.

b. Ý thức trách nhiệm

-Là hiểu biết nhiệm vụ và việc làm của mình sẽ gây hậu quả nào cho chính mình và cho người khác.

-Từ đó, cân nhắc, chọn lựa kỹ lưỡng trước khi bắt tay vào việc và cố gắng chu toàn tốt đẹp nhiệm vụ được giao.

c. Tinh thần trách nhiệm

- Là tinh thần của một người được giao phó một nhiệm vụ, hay khi đã quyết định làm một việc gì, thì cố gắng chu toàn.

- Họ thi hành công tác có suy nghĩ, có lương tâm và dám nhận mọi hậu quả, dù thành công hay thất bại, không thoái thác, trốn chạy, hay đổ lỗi cho người khác.

2. Người lỗi trách nhiệm

-Người sợ trách nhiệm: là người nhút nhát, chưa bắt tay làm đã cảm thấy khó khăn và không muốn làm, “Không dám làm mà dám xúi”.

-Người tắc trách: là thi hành nhiệm vụ cách lếu láo, không chuyên tâm, không gắng sức làm đến nơi đến chốn.

-Người đào nhiệm: là người nhận lãnh nhiệm vụ, rồi vì một lí do nào đó không chính đáng, lại bỏ nhiệm vụ, lí do có thể vì tình, tiền,...

-Người phản trắc: là người hèn kém, lãnh nhiệm vụ, không khắc phục khó khăn, nên gặp thất bại, rồi đổ thừa, đổ lỗi cho người khác.

3. Sự lợi hại

-Bất cứ tổ chức nào, dù lớn hay nhỏ, mỗi phần tử cần ý thức trách nhiệm, nghĩa là lo chu toàn phận sự được giao cách hoàn hảo, thì tổ chức đó sẽ tiến hành trật tự và thu hoạch thành công.

-Nếu cấp trên thi hành nhiệm vụ, còn cấp dưới thì tắc trách, hay đào nhiệm, hoặc cả cấp trên lẫn cấp dưới đều vô trách nhiệm, thì tổ chức đó luôn thất bại, đi đến đổ vỡ.

4. Người Kitô hữu có trách nhiệm nào?

- Người Kitô hữu có rất nhiều trách nhiệm:

- + Trách nhiệm trước lương tâm và cuộc sống.
- + Trách nhiệm làm chứng cho Đức Kitô.
- + Trách nhiệm trước những người nghèo khổ.

+ Trách nhiệm trong cuộc sống chung huynh đệ, hoà bình. Trách nhiệm phải dùng cuộc đời trần gian để : Phụng sự Thiên Chúa; nâng đỡ người nghèo khổ vật chất, tinh thần; để làm cho sự sống chiến thắng sự chết, tình yêu thắng thù hận.

Câu hỏi gợi ý

1/ Bạn đã có tinh thần trách nhiệm như thế nào trong công việc được giao phó? Hãy kể một câu chuyện mà bạn đã thể hiện tinh thần trách nhiệm.

2/ Là học sinh, bạn có trách nhiệm gì trong học tập?

BÀI 10

CÔNG, DUNG, NGÔN, HẠNH

*Người đục vào tay bà, con sốt dứt ngay và bà chỗi dậy
phục vụ Người.*

(Mt 8,15)

Chuyện kể : NGƯỜI VỢ HIỀN MINH

Vợ Nhạc Dương Tử là một bậc hiền minh.

Dương tử một hôm đi đường, bắt được lọ vàng người ta đánh rơi, mừng rỡ đem về đưa cho vợ.

Vợ nói:

-Thiếp trộm nghe người chí sĩ không uống nước suối “Đạo toàn”, người liêm khiết không nhận của ăn “Ta lai”. Chàng nay nhặt của rơi ngoài đường đem về cầu lợi để ô uế phẩm hạnh, thử nghĩ có nên không?

Dương tử nghe nói thẹn quá, liền đem lọ vàng bắt được bỏ ra ngoài đồng. Rồi đi xa, tìm thầy để học.

Đi học mới được một năm, Dương Tử về chơi nhà. Vợ quỳ xuống trước mặt, hỏi rằng:

-Chàng có việc gì mà về nhà?

Dương Tử nói:

-Ta đi lâu nhớ nhà thì về, chẳng có việc gì cả.

Vợ cầm dao đến chỗ khung cửi nói rằng:

-Lụa đang dệt đây là phải làm từ lúc nuôi tằm ương tơ cho đến lúc mắc lên được khung cửi. Nếu đánh đứt một sợi mà đứt mãi, thì đứt đến hàng tấc, đứt hàng tấc mà đứt mãi, thì đứt đến hàng thước, hàng trượng hàng tấc. Nếu

bây giờ mà thiếp chặt đoạn đang dẹt đây, thì bao nhiêu công phu ngày giờ từ trước đến nay đều mất hết cả. Chàng đi học là để trở nên một bậc người giỏi, nếu đang học mà bỏ về, thì khác gì tấm lụa đang dẹt đây mà chặt đi vậy.

Dương Tử thấy nói, cảm động lắm, đi học luôn bảy năm đến đỗ quan thì mới về.

Vợ ở nhà chăm chỉ làm ăn trong bấy nhiêu năm, vừa nuôi nấng mẹ chồng, vừa nuôi chồng ăn học.

Nhạc Dương Tử nhờ có người vợ hiền như thế mà sau được quý hiển.

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân,
Cổ học tinh hoa, NXB Văn Học)

I. CÔNG

Công là gì? Được hiểu là công việc, những việc trong nhà chính yếu mà người nữ cần biết (nữ công gia chánh). Đó là sự khéo léo của đôi tay, sáng kiến của bộ óc, thành thạo khi thực hiện, và trật tự, sạch sẽ khi hoàn tất.

Những công việc nào? Đó là việc nội trợ như: nấu nướng và trình bày các món ăn. Việc thêu may quần áo. Việc quét dọn, sắp xếp nhà cửa trật tự, sạch sẽ. Việc trang trí tranh ảnh, chưng bông hoa, cây kiểng. Việc xã hội, nghề nghiệp.

Điều kiện: muốn đạt được sự khéo léo, đòi hỏi người phụ nữ cần có kiến thức căn bản về công việc bếp núc, về thẩm mỹ, về thêu may, được học hỏi thường xuyên và thực hành hằng ngày.

Giá trị: do thiên chức làm mẹ, Thiên Chúa phú bẩm nơi người phụ nữ bản tính cần mẫn, siêng năng, quán xuyến từng chuyện nhỏ đến chuyện lớn trong nhà (nội tướng). “Vào một nơi, chỉ cần nhìn thoáng là biết có bàn tay phụ nữ hay không”, chính là do CÔNG của người NỮ, mà người NAM khó có được.

II. DUNG

Dung là gì? Dung nhan, sắc đẹp nơi gương mặt nói riêng và được hiểu là sắc đẹp ngoại hình của người nữ. Dung cũng được gắn liền với dáng điệu đi đứng uyển chuyển, nhẹ nhàng...

Thế nào là đẹp? Tùy năng khiếu thẩm mỹ và văn hoá dân tộc, tùy thời đại, mà vẻ đẹp người nữ được đánh giá theo các tiêu chuẩn, quan điểm khác nhau. Mập- ốm, cao-lùn, khoẻ,...

Làm đẹp thế nào? Nên làm đẹp cả bề ngoài lẫn bên trong tâm hồn (Hạnh). Làm đẹp bề ngoài do trang điểm theo nguyên tắc : ‘Nghệ thuật trang điểm là trang điểm đến nỗi không ai biết mình trang điểm’. Ngày nay, quan niệm phụ nữ đẹp không chỉ ở sắc đẹp, mà còn có sức khoẻ tốt và sống vui.

Giá trị sắc đẹp phụ nữ: Phái nữ được mệnh danh là “phái đẹp”, có câu nói: “Không có người phụ nữ xấu, chỉ có những người phụ nữ không biết làm đẹp”. Thiên Chúa đã tạo dựng người nữ với ngoại hình nhỏ nhắn, đáng yêu, tươi đẹp như những bông hoa biết cười, nhằm để tạo cho cuộc sống chung trở nên nhẹ nhàng, thoải mái, vui tươi. Tuy nhiên, nhan sắc là thứ mau phai tàn theo năm tháng, vì thế, người phụ nữ khi làm đẹp, cần biết tang điểm

thêm sự duyên dáng, tinh tế, để sắc đẹp có giá trị ấn tượng bền lâu nơi người gặp gỡ.

III. NGÔN

Ngôn là gì? Là ngôn từ, ngôn ngữ, được hiểu chung gồm những lời nói, giọng nói, cách nói của người nữ.

Nguyên tắc về ngôn từ: nói đúng nơi, đúng việc, đúng người, đúng sự thật. Nói với lời lẽ lịch sự, chân thành, khiêm tốn, lễ phép. Tóm lại, nói có văn hoá, giáo dục.

Nên tránh : Đụng đầu nói đó, nói xía vào mọi chuyện của bất cứ ai, nói không coi trọng trên dưới, trước sau, “ăn nói bạt mạng”, “phát ngôn bừa bãi”, “nói leo mép”, “nói dai như đĩa đói”, nói hành nói xấu, nói láo nói xạo, nói tục nói phét,..

Giá trị: Lời nói là quà tặng Chúa ban cho con người để truyền thông tư tưởng, tình cảm, để giúp hiểu nhau, an ủi, chia sẻ, cảm thông với nhau trong cuộc sống. Chúa còn ban cho chất giọng người nữ thanh cao, nhẹ nhàng để xoa dịu nỗi đau buồn nhân thế. Khi sử dụng không tốt, lời nói sẽ trở thành “con dao hai lưỡi”, hại người, hại mình.

Tập nói chuyện: quyết tâm trau dồi nhân cách, thể hiện nơi giọng nói, cách nói chuyện: lễ phép, dịu dàng, nói lời xây dựng. Tránh những lời dối trá, nịnh hót, phê bình, chỉ trích, nói xấu nhau. Hãy tập biết cách nói chuyện, gọi chuyện và nhất là “biết nghe nhiều hơn nói”.

IV. HẠNH

Hạnh là gì? Là hạnh kiểm, tiết hạnh, gồm những nét đẹp nơi tâm hồn của người nữ như: nét na, duyên dáng,

dịu dàng, đoan trang, thủy mì, vị tha, chung thủy, chân thành, vui tươi...

Sự duyên dáng dịu dàng: Đó là phẩm tính đặc biệt dành cho người nữ (Đàn ông bản lĩnh, đàn bà duyên dáng). Cái duyên là một thứ sắc đẹp tâm hồn, khiến cho người nữ trở nên hấp dẫn, làm phong phú cho cuộc sống chung. Cái duyên người nữ bao gồm cả các tính tốt như: nét na, đoan trang, thủy mì, chân thành, vui tươi, quan tâm giúp đỡ người khác. Người nữ mà bị coi là “vô duyên” thì kể như là “quá tệ”, có thể “bị ế”. Người nữ khi được coi là duyên dáng, là họ đã tạo được thiện cảm, ấn tượng nơi người họ gặp gỡ.

Vị tha: cũng là đức tính thiên phú, tiêu biểu của người nữ. Vị tha là biết quan tâm, lo lắng và phục vụ cho người khác, muốm làm vui lòng người khác. Họ thể hiện lòng vị tha qua việc chăm sóc chu đáo, tinh tế, qua việc hi sinh tự nguyện, qua công việc nội trợ đảm đang. Tính vị tha làm cho người nữ có lòng thương người, động lòng trắc ẩn trước những đau khổ nơi thể xác và tâm hồn người, nên họ sẵn sàng “ra nước mắt” để cảm thông, chia sẻ, an ủi..

Chung thủy: đó là son sắt một lòng, trung thành giữ lời hứa. Sự chung thủy làm cho người nữ kiên tâm chịu đựng, nhịn nhục, chịu thiệt thòi để cho gia đình êm ấm, hạnh phúc. Sự thủy chung gìn giữ người nữ không thay lòng, đổi dạ, trước sau như một.

Câu hỏi gợi ý

1/ Bạn đã gặp người nữ nào thể hiện chữ Công chưa? Hãy kể chuyện về người nữ đó.

2/ Bạn đã gặp người nữ nào thể hiện chữ Hạnh chưa?
Hãy kể chuyện về người nữ đó.

Bài 11

ĐỐI THOẠI

*Các anh cứ về thuật lại cho ông Gioan,
những điều mắt thấy tai nghe:
người mù xem thấy, kẻ què được đi,
người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe,
người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng*
(Mt 11,5)

Chuyện kể : CHÚC MỪNG

Vua Nghiêu đến chơi đất Hoa. Viên quan giữ bờ cõi
đất Hoa chúc rằng:

-Xin chúc nhà vua sống lâu.

Vua Nghiêu nói:

-Đừng chúc thế.

Viên quan lại chúc:

-Xin chúc nhà vua giàu có.

Vua Nghiêu nói:

-Đừng chúc thế

Viên quan lại chúc:

-Xin chúc nhà vua lắm con trai.

Vua Nghiêu nói:

-Đừng chúc thế.

Viên quan lấy làm lạ, hỏi:

-Sống lâu, giàu có, lắm con trai, người ta ai cũng muốn, một mình nhà vua không muốn, là cố làm sao?

Vua Nghiêu nói:

- Lắm con trai, thì sợ nhiều; giàu có thì công việc nhiều; sống lâu, thì nhục nhã nhiều. Ba điều ấy không phải là những điều gây nên đức hay cho mình, nên ta từ chối.

Viên quan nói:

-Nhà vua nói như thế, thực là một bậc quân tử. Nhưng trời sinh ra người, mỗi người phải có một việc, thì có lo sợ gì? Giàu có mà biết đem của chia với người ta, thì còn công việc gì? Ăn uống có chừng, thức ngủ có độ, trong bụng lúc nào cũng thư thái tự nhiên, thiên hạ hay ra thì cùng hay với thiên hạ, thiên hạ mà dở thì làm cho thiên hạ hay, trăm tuổi nhắm mắt về cõi rất vui, một đời không có tai hại gì thì còn nhục nhã làm sao được.

Viên quan nói xong, lùi ngay. Vua Nghiêu còn muốn nói nữa, thì theo không kịp.

(Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân,

Cổ học tinh hoa, NXB Văn Học)

I. Ý NGHĨA ĐỐI THOẠI

1. Đối thoại là gì?

Đó là cuộc gặp gỡ, nói chuyện, trao đổi tư tưởng, tình cảm, ý kiến cho nhau, nhất là biết nói và biết nghe những gì đang chất chứa, đang xảy ra, thậm chí trong những ngôn ngữ không lời, những gì ở giữa và ở sau lời nói.

2. Nền tảng của đối thoại là sự tôn trọng tình người

ĐGH Gioan Phaolô II trên chuyến bay từ Rôma sang Habana thăm Fidel Castro, Tổng thống nước Cuba, các kí giả coi đó như là cuộc đối đầu giữa thiên thần và ma quỷ, nhưng ĐGH đã khẳng định: “Đây chỉ là cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa hai con người”.

3. Thế nào là đối thoại thật sự?

Theo Gregory Bateson, có 3 điều kiện thiết yếu hình thành cuộc đối thoại thật sự:

- Chấp nhận ngồi lại với nhau.
- Chân thành trình bày các quan điểm của mình.
- Lắng nghe, tìm hiểu, trân trọng những khác biệt của nhau, không bắt ép đối phương thay đổi.

4. Thế nào để cuộc đối thoại hữu ích? Cần có 3 điều kiện căn bản:

- Biết mình, biết người: tôi muốn nói gì?
- Biết tìm chân lí: Tôi đã và đang biết gì?
- Biết trình bày và đón nhận quan điểm: Tôi cần nói và nghe thế nào? Quan điểm họ thế nào? Điều tôi đã biết, tôi thêm xác tín kiện toàn. Điều hay, điều mới tôi chưa biết thì tôi cần đón nhận cách khiêm tốn, can đảm.

II. TÂM QUAN TRỌNG

-Tinh thần đối thoại: Là điều rất cần thiết cho đời sống của Hội Thánh thời nay, ĐGH Gioan Phaolô II được mang danh là “Con người của đối thoại”. Đối thoại là con đường mà Chúa Giêsu đã dùng để mang ơn cứu độ đến cho nhân loại. Hơn bao giờ hết, con người của thế giới hôm nay khao khát được đối thoại. Các cộng đoàn tu trì rất cần tinh thần đối thoại.

-Bài học đối thoại: Là bài học rất khó, nhưng là một bài học thú vị và hữu ích. Độc thoại dài là điều mà con người thời nay không ưa thích. Tinh thần độc thoại làm cho con người thời đại chán ngán. Cần phải học biết đối thoại.

-Vấn đề đối thoại: là một vấn đề gay go, rộng lớn và phức tạp trong mọi lãnh vực sống: chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội, văn hoá, dòng tu... Trong phạm vi bài này, ta chỉ nêu lên vài khía cạnh đối thoại trong lãnh vực nhân bản và tu đức.

III. LÝ DO PHÁT SINH ĐỐI THOẠI

1. Nhu cầu gặp gỡ và đối thoại:

Con người được mang danh là “con vật xã hội”, do tính liên đới, con người cần gặp gỡ và đối thoại. Họ cần tìm đến nhau, trao đổi kinh nghiệm, qaun điểm, chia sẻ cuộc sống vui buồn... để được phong phú hơn trong cuộc sống.

2. Ý thức về giới hạn và ước muốn hoàn thiện.

Chỉ có ý thức về giới hạn mới làm nảy sinh đối thoại. Con người tự mãn không có khả năng đối thoại, chỉ biết độc thoại. Con người đối thoại là con người cầu tiến, muốn nhận ra điều sai để sửa chữa, nhìn thấy khuyết điểm để bổ sung. Con người tự mãn chỉ có thể tranh luận hay bắt bẻ, không có khả năng đối thoại.

3. Tinh thần xây dựng lợi ích chung:

Muốn tìm giải pháp tốt nhất, muốn cho việc chung được tốt đẹp, cần thiết phải có đối thoại. Chỉ những người có tinh thần công ích mới có khả năng đối thoại. Những người ích kỉ không đối thoại bao giờ.

4. Tìm hiểu một con người:

Có những lúc cần phải hiểu kĩ một con người và họ không chỉ là đối tượng để điều tra hay thẩm vấn. Vì thế, cần tìm hiểu với họ bằng con đường đối thoại chân thành.

5. Thao thức tìm kiếm chân lí:

Không ai làm chủ chân lí, nhưng cần phải tìm kiếm chân lí. Đối thoại là cùng nhau đi tìm chân lí. Ánh sáng chân lí chỉ chiếu rọi cho những tâm hồn cởi mở và thao thức tìm kiếm. (x. Nicôđêmo)

6. Thao thức mang ơn cứu độ đến cho người khác, bận tâm rao giảng Nước Trời.

Đó là những đối thoại, những lần gặp gỡ siêu nhiên. Đối với người tông đồ của Chúa, mỗi lần gặp gỡ tha nhân là mỗi lần mang lại ân sủng cho cả hai bên. Gặp gỡ và đối thoại là con đường của ân sủng. Mọi Kitô hữu đều là trung gian của ân sủng Thiên Chúa cho người khác.

IV. NGHỆ THUẬT ĐỐI THOẠI.

Đối thoại là một nghệ thuật và nghệ thuật thì bao giờ cũng sáng tạo, nhưng nghệ thuật cũng có vài “thể loại” và tuân theo một vài quy luật. Ta có thể nêu lên 5 bước diễn tiến của đối thoại.

1. Bước một: Gặp gỡ trong mến tin

- Đối thoại bao giờ cũng khởi đầu từ một thái độ nội tâm: sự mến tin đối với người mình gặp gỡ.

- Bắt đầu đối thoại là bắt đầu mở cửa tâm hồn, mở con tim để đón nhận người khác, chính vì thế mà đối thoại đôi khi khởi sự bằng nụ cười, bằng ánh mắt chứa chan tình thương mến.

- Thái độ hoài nghi, thiếu tin tưởng và nhất là thành kiến xấu ngay từ đầu, là chướng ngại cho cuộc đối thoại, tương giao không thể thiết lập được giữa hai người thiếu tin tưởng lẫn nhau.

2. Bước hai: “Gọi chuyện” và “Chờ đợi”

- Gọi chuyện là một nghệ thuật đòi hỏi sự tế nhị tối đa. Có những cách gọi chuyện rất vụng về, làm cho người đối thoại bức mình ngay từ đầu. Khi gọi chuyện, cần sự nhẹ nhàng và tôn trọng người đối thoại. Cách gọi chuyện không được gượng ép, nhưng phải biểu lộ sự thiết tha muốn thiết lập tương giao...

- Người gọi chuyện phải biết chờ đợi, không được hấp tấp. Muốn thiết lập tương giao phải có thời gian. (Phụ nữ bên bờ giếng)

3. Bước ba: Nghe và nói. Nghe khi nào? Nói lúc nào?

- Người đối thoại phải là người biết lắng nghe, không chỉ bằng đôi tai, nhưng với cả tâm hồn, cả trái tim. Thái độ lắng nghe làm cho ta trở nên rất tinh ý. Ta nghe khi người đối thoại muốn nói và nói khi thấy họ muốn nghe.

- Người không biết lắng nghe thì không thể đối thoại được. Nghe cách lãnh đạm, đứng đưng, cũng không đối thoại được. Cần nghe cách chăm chú và nghe với cảm tình, dù tha nhân đôi khi nói điều không đúng như ý ta. (x. Chuyện Nicôđêmo)

- Phải nói khi người đối thoại muốn lắng nghe hay đang chờ đợi. Một sự thỉnh lặng không đúng lúc sẽ làm cho cuộc đối thoại trở nên nặng nề. Dù ta ít nói bao nhiêu đi nữa, hãy cố gắng trả lời câu hỏi và nói đôi điều khi thấy người khác chờ đợi. Nếu ta không nói gì thì người đối thoại khó tiếp tục Chuyện kể với ta.

- Bước thứ ba này được coi là bước chính yếu của đối thoại, ít nữa là về phương diện nội dung. Những lần nghe

và nói cần xen kẽ nhau, phải biểu lộ được thiện chí muốn lắng nghe, trao đổi tìm hiểu...

4. Bước thứ tư: Biểu lộ lập trường

- Không phải lúc nào ta cũng biểu lộ lập trường, nhất là trong những chuyện không quan trọng. Khi khẳng định lập trường trong những việc nhỏ nhất đôi khi lại có hại.

- Có những lúc ta không thể không nói ra lập trường, quan điểm của mình, dù lập trường ấy khác biệt với quan điểm của người đối thoại.

- Cách biểu lộ quan điểm của ta cần từ tốn, khiêm nhường, không áp đặt. Dù không đồng ý với quan điểm của người đối thoại, ta vẫn tán đồng con người họ, vẫn đón nhận, yêu thương tôn trọng con người ấy.

- Có khi phải từ chối đề nghị, không chấp nhận tư tưởng của người đối thoại, nhưng không bao giờ ta được khước từ, khinh rẻ bản thân con người ấy. (x. Lui đi Xatan!)

- Bước thứ tư này cũng có thể là lúc các người đối thoại cố gắng thống nhất ở những điểm chung và không để cho rạn nứt vì những điểm bất đồng.

5. Bước sau cùng: lời nói tỏ lòng biết ơn

- Đó là biểu lộ sự sung sướng đã được trải qua một thời gian trao đổi, tiếp xúc. Phải coi cuộc gặp gỡ như là một hồng ân, một cơ hội mang lại một niềm vui và nhiều lợi ích.

- Trong phần cuối này, ta biểu lộ ước mong gặp lại người đối thoại. Cuộc đối thoại kết thúc với một thái độ nội tâm giống như bước khởi đầu, đó là thái độ yêu thương và

tin tưởng. Giờ đây tình yêu còn đậm đà hơn và sự tin tưởng sâu sắc hơn trước. (x. Đoàn bà ngoại tình)

V. BÀI HỌC ĐỐI THOẠI

Một trong những cách mà Thánh Thần thích dùng nhất là con đường đối thoại. Người Kitô hữu tập đối thoại trong Thánh Thần và nhờ Thánh Thần. Cần nhận ra giá trị và bài học về đối thoại.

-Trước hết, muốn đối thoại, ta cần phải học sẵn sàng từ bỏ “cái tôi quan trọng” của mình, bằng thái độ tin tưởng. Muốn đối thoại, là chấp nhận ngay từ đầu không sợ thiệt thòi, không sợ bị lừa, bị mất mát. Nếu ngay từ đầu mà coi bản thân là quan trọng, thì cuộc đối thoại sẽ chắc chắn thất bại. Đối thoại phải là một hành vi hoàn toàn hướng tha. Người quan trọng là tha nhân, chứ không phải là “tôi”.

-Đối thoại đòi hỏi tinh thần sẵn sàng đón nhận người khác, xem họ ngang bằng với mình, đón nhận ý kiến, tư tưởng của người khác, mặc dù có khác biệt, nhưng có thể bổ túc và thêm lợi ích cho mình.

-Đối thoại sẽ tập cho con người biết lắng nghe cách chân thực, biết cho lời của người khác đi vào trong tâm hồn của mình... đối thoại không là “chiếm đài”, không tranh nhau nói, nhưng là cuộc trao đổi đầy kính trọng, một sự nhường nhịn lẫn nhau, một tự nguyện thỉnh lặng và đón chờ. Đôi khi cả hai bên cùng thỉnh lặng và trong thỉnh lặng đó, họ lắng nghe tiếng nói và lời giải đáp chung.

- Đối thoại tập cho con người bớt chủ quan. Người muốn đối thoại phải biết coi mình là nhỏ bé trước sự thật. Nếu chưa biết rõ sự thật, ta cần khiêm nhường chờ đợi và tìm hiểu. Việc đối thoại không cho phép con người tự mãn,

nhưng bắt con người phải chờ đợi. Sự chờ đợi là thái độ của người khôn ngoan, luôn tự coi mình còn khiêm tốn.

- Cuối cùng: “cho đi” và “giữ lại trong lòng”, là bài học hết sức quan trọng rút ra từ các cuộc đối thoại.

- Không nên nghĩ rằng ta phải có rất nhiều điều để cho đi khi đối thoại. Một người chỉ cho đi mà không biết lãnh nhận, là con người không biết đối thoại. Nói nhiều quá, cho nhiều quá có thể làm cho người khác ngán sợ và không muốn gặp lại lần nữa.

- Điều tha nhân chờ đợi khi đối thoại với ta không là một mở kiến thức, nhưng có ki chỉ là lời khuyên, một ý kiến. Quan trọng hơn, là tha nhân muốn gặp gỡ ta. Chính vì thế, trong đối thoại, ta phải biết cho đi chính bản thân mình. Đối thoại là một hành vi tự hiến.

- “Đời sống cầu nguyện” có thể là mẫu mực cho đối thoại trong cuộc sống. Cao điểm của cầu nguyện là “đối thoại tự hiến” với Đấng yêu mến chúng ta. Do đó, đối thoại thực sự tự nó tạo ra một bầu khí vừa thiêng liêng, vừa ấm cúng, trong đó những người đối thoại tự hiến bản thân mình cho nhau.

- Có những người rất hời hợt, sau khi tiếp xúc với người khác hằng giờ, ra về và không giữ lại gì cả. Có lẽ vì trong khi đối thoại, họ đã không nghe được gì cả. Cuộc đối thoại của họ chỉ là độc thoại dưới hình thức đối thoại.

- Người khác, khi ra về chỉ giữ lại trong lòng những lời cay đắng. Họ nghiền ngẫm những lời ấy và chúng trở thành độc dược giết chết tâm hồn họ. Cuộc đối thoại của họ đã thất bại vì họ không biết quên đi bản thân mình, nên

bản thân họ đã bị những vết thương làm nhức nhối vì những lời vô tình hay hữu ý của người khác.

- Vậy sau một cuộc đối thoại, ta phải giữ lại gì? Khi nói về Đức Maria, Tin Mừng Luca có một thành ngữ tuyệt diệu, làm bài học cho ta trong việc đối thoại: “Bà giữ kĩ mọi điều ấy và hằng suy đi nghĩ lại trong lòng” (Lc 2,19).

- Ta cần lưu giữ một lời nói, một tư tưởng sau cuộc đối thoại. Có thể đó là một lời nói có sức biến đổi cuộc đời ta theo nghĩa tốt. Có thể đó là một lời khích lệ, cũng có thể đó là một lời phê bình. Lời mà ta giữ lại phải là lời có tác dụng làm cho ta hoán cải. Càng suy nghĩ lại trong lòng những lời ấy, chúng ta càng canh tân đổi mới cuộc sống.

- Nhưng quan trọng hơn nữa là “giữ lại tha nhân” trong lòng mình, nhớ tới tha nhân, yêu tha nhân, cầu nguyện cho tha nhân. Như thế, một tình yêu, một tình bạn đã thật sự nảy nở trong tâm hồn với người đối thoại.

Câu hỏi gợi ý

1/ Trong cuộc sống, bạn đã từng đối thoại với nhiều hạng người. Bạn hãy kể lại câu chuyện đối thoại đã gây ấn tượng nhiều nhất nơi bạn.

2/ Có bao giờ bạn thất bại trong cuộc đối thoại chưa? Hãy kể lại kinh nghiệm quý giá ấy?

Bài 12

ĐỜI SỐNG TÌNH CẢM

Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khôn khó.

Nhưng can đảm lên! Thầy đã thắng thế gian

(Ga 16,33)

Chuyện kể

Con sò dưới đáy đại dương thường mở vỏ của nó để nước tràn vào. khi nước tràn qua, nhờ mang, nó biết chọn thức ăn để ăn. Bất ngờ, một chú cá lớn gần đó quẫy mạnh làm cát đục ngầu. Ô, cát! Con sò rất ghét cát. Vì cát rất nhám và làm cho con sò khó chịu mỗi khi cát lọt vào thân nó. Nhanh chóng. Con sò khép vỏ lại, nhưng đã quá trễ. Một hạt cát cứng đã rơi vào nằm ngay giữa phần vỏ và thịt của nó.

Hừm, hạt cát làm phiền con sò quá sức! Hầu như ngay lập tức, những tuyến đặc biệt tiết ra những chất bao lấy hạt cát gây khó chịu đó, làm cho nó cảm thấy rất dễ chịu vì tạo ra được lớp bao bọc nhẵn bóng trong vỏ nó. Năm này qua năm khác, con trai có thêm nhiều lớp bao bọc để cuối cùng tạo nên một hạt ngọc trai rực rỡ quý giá.

Đôi khi chúng ta cũng gặp những vấn đề giống như hạt cát vậy. Chúng gây phiền phức cho chúng ta đến nỗi nhiều khi chúng ta tự hỏi tại sao chúng gây bất lợi và khó chịu cho chúng ta như vậy. Nhưng thiện chí và sức mạnh là cái quyết định, sẽ giúp chúng ta giải quyết các vấn đề và những yếu đuối của chúng ta một cách tốt đẹp. Những điều

tưởng chừng không may mà lại may, vì chẳng bao lâu những hạt cát nhám đó sẽ biến đổi cuộc đời chúng ta trở nên những viên ngọc quý giá của sức mạnh và năng lực và đó cũng chính là niềm hy vọng và khát khao của nhiều người.

Nhưng, bạn hãy luôn luôn nhớ rằng: thái độ sống tích cực của bạn chính là chìa khoá mở ra thành công và hạnh phúc cho cuộc đời mình. Cuộc sống của bạn sẽ thay đổi rất nhiều do có sự điều chỉnh nhỏ về thái độ sống.

(Trích trong *Dòng Suối Tuyệt Trần*)

I. TÌNH CẢM

1. Thế nào là huấn luyện tình cảm?

-Rèn luyện tính tự chủ và đức tiết độ, nhằm chế ngự các khuynh hướng thái quá hay bất cập, để tình cảm luôn quân bình và thuần thực theo mệnh lệnh lý trí.

2. Tại sao cần tiết độ-quân bình tình cảm?

-Tiết độ nghĩa là điều hoà, tiết chế các khuynh hướng nơi bản thân, tạo sự quân bình các loại tình cảm.

-Vd: hiền lành là một nhân đức tốt. Thế nhưng hiền lành quá, sinh nhu nhược; thiếu hiền lành thành ra dữ tợn.

3. Bấy loại tình cảm theo quan niệm Á đông

- Người Á đông thường phân chia thành 7 loại tình cảm: Hỉ (lạc quan); Nộ (giận dữ); Ai (yêu); Ố (ghét ghen); Ai (buồn bã, bi quan); Cự (sợ hãi); Dục (ham muốn)

Chúng ta cùng tìm hiểu một vài sắc thái tình cảm đối lập nhau mà chúng ta vẫn thường gặp trong cuộc sống:

*Bi quan và Lạc quan

*Nóng giận và Hiền lành

*Sợ hãi và Can đảm

II. BI QUAN VÀ LẠC QUAN

Người lạc quan là người luôn tìm thấy những cơ hội tốt trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào. Người bi quan là người luôn thấy khó khăn trong bất cứ cơ hội tốt nào.

1. Bi quan

a. Thế nào là bi quan?

-Bi quan là có cách nhìn buồn rầu, nặng nề và tiêu cực, không tin ở tương lai.

-Người bi quan là người có cái nhìn lệch lạc nên chỉ thấy khía cạnh xấu của sự việc. Ví như người ‘mang kiếng đen’ nhìn mọi thứ đều đen tối.

b. Tác hại của bi quan

-Người bi quan luôn mang tâm trạng buồn sâu, chán nản cuộc sống. Bi quan không những hại cho bản thân mà còn ảnh hưởng đến người chung quanh. Có thể nhận thấy người bi quan qua những ‘tiếng thở dài’, những lời chán nản, ‘bộ mặt đưa đám’,... Thế nên, ‘*một vị thánh buồn là một vị thánh đáng buồn*’

-Tâm trạng buồn sâu còn đưa đến những tác hại khác cho chính bản thân:

Về tâm lý: chủ quan, sai lạc, đưa đến hành động sai lạc, tai hại.

Về thể lý: dễ sinh bệnh, rối loạn thần kinh,...

c. Làm sao tránh bi quan?

-Nếu nguyên nhân do thể lý: cần đến bác sĩ. Vận động để có sự quân bình về thể lý.

-Nếu nguyên nhân do hoàn cảnh: cần tạo trạng thái vui tươi, thoải mái, yêu đời:

*Cười đi thiên hạ đồng tình,
Khóc than, bạn sẽ một mình khóc than.*

-Bạn cần nhớ: tập bỏ thói xấu không bằng luyện được một tập quán tốt. Thay vì bạn nói ‘Tôi sẽ không nhìn đời bằng cặp kính đen nữa’, hãy nói ‘Tôi muốn lạc quan, tôi muốn tìm cảnh rực rỡ trong đời và tôi sẽ gặp’. Như vậy, bạn sẽ quên những tư tưởng hắc ám mà dùng hết tâm trí tìm những niềm vui, và bạn sẽ yêu đời.

2. Lạc quan

a. Khái niệm

- Có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp.
- Cái nhìn vui vẻ, yêu đời.
- Người lạc quan là người có cái nhìn vui vẻ, yêu đời, yêu người.

-Người lạc quan bình tĩnh xem xét vấn đề dưới mọi khía cạnh, cách vô tư, không khinh thường mà cũng chẳng quá quan trọng hoá vấn đề, nhưng cân nhắc sự việc cách cẩn thận.

- Khi thi thành công việc, người lạc quan làm đến hoàn tất, với nụ cười vui tươi, ý chí quả cảm và đanh thép.

b. Một tình thần lạc quan đích thực như thế nào?

- Không nhìn đời cách dễ dãi, ‘mackeno’, không quan tâm, được giao công tác thì ậm ừ cho xong chuyện...

-Không phải với đầu óc vô tư như trẻ con, mãi mê vui đùa mà bê trễ công việc.

-Không nhìn đời toàn màu hồng, thấy mọi việc đều êm xuôi, dễ dàng, thấy người nào cũng là tri âm tri kỷ mà không biết dè dặt, sống khôn ngoan...

c. Để trở thành người lạc quan

-Cần giữ thể chất tráng kiện: *‘một tâm hồn lành mạnh trong một thể xác tráng kiện’*. Thể chất khoẻ mạnh là điều kiện tạo nên tinh thần lạc quan.

-Cần giữ trí tuệ minh mẫn: dùng trí khôn nhận xét mọi việc cách kỹ càng, nhìn mọi khía cạnh và phán đoán chính xác về sự việc, biến cố, con người.

-Cần giữ cảm giác nhạy bén: chế ngự cảm xúc bằng im lặng, luôn giữ được thế quân bình trong tình cảm.

-Cần giữ ý chí kiên vững: tập kiên nhẫn, cố gắng liên tục. Hãy tự nhủ: ***“Bạn là một cá nhân thật tuyệt vời. Tự tin lên và trân trọng bản thân bạn, vì nếu bạn cũng không tin bạn thì ai sẽ làm điều ấy?”***

-Với nụ cười trên môi: vui cười làm cho tâm hồn nhẹ nhàng thanh thản, dễ tạo thiện cảm với người chung quanh, vì *‘vạn vật trông sáng sủa hơn phía sau một nụ cười’*.

d. Vun trồng tính lạc quan

-Sống tin tưởng và phó thác: là người Ki-tô hữu, ta luôn đặt mọi sự vào bàn tay quan phòng của Thiên Chúa.

-Sống khiêm nhường: ai khiêm nhường thật sự sẽ thấy bình an trong tâm hồn.

-Tính hài hước: óc hài hước có thể giúp ta bỏ qua việc khó ưa, chịu đựng sự khó chịu, đối phó với sự kiện bất ngờ và mỉm cười với điều không thể dung thứ. *Một sự hài hước vui tươi là sức khoẻ của linh hồn, còn sự buồn rầu là liều thuốc độc.*

III. NÓNG GIẬN VÀ HIỀN LÀNH

Chỉ một lời nói lúc nóng giận

Với người bạn thân mến của ta

Mà như lưỡi dao cắt sâu da thịt

Tạo thành một vết thương khó chữa...

1. Nóng giận

a. Nóng giận là gì?

- Là thái độ nóng nảy, bực tức trong lòng, biểu lộ ra bên ngoài, khiến ta phẫn nộ người khác và muốn báo thù.

- Một số biểu hiện của nóng giận: khi nóng giận mặt đỏ lên hoặc tím ngắt, mắt trừng, môi mím lại, tay nắm chặt, giọng nói run rẩy, gân cổ nổi lên, tim đập mạnh...

- Khi nóng giận biểu lộ ra bên ngoài: la ó, chửi rủa, day nghiến, đấm đá... Hoặc có khi nóng giận ngấm ngầm trong lòng: buồn rầu, khổ tâm, khó chịu,... Thế nên, người xưa cho rằng: *“Nóng giận là cơn điên ngẩn”* (Seneca).

b. Tai hại của nóng giận

- Là nguồn gốc sinh chia rẽ, bất hoà trong gia đình, hận thù, báo oán, hoặc nặng hơn là dẫn đến giết người.

- Làm mất quân bình, mất khôn ‘vội giận mất khôn’. Người nóng giận hay phải hối hận về lời nói, hành vi.

-Làm tâm thần rối loạn, cản bước tiến trên đường nhân đức, khó cầu nguyện...

c. Làm thế nào giảm bớt nóng giận?

-Về thể chất: ăn uống chừng mực, tránh những thức gây kích thích như rượu, bia, giữ thân thể sạch sẽ, mát mẻ...

-Về tinh thần: tập tính tự chủ, hiền hoà.

-Nội tâm: siêng năng cầu nguyện.

2. Hiền lành

a. Hiền lành là gì?

-Là nhân đức luân lý có đặc tính chế ngự và kìm hãm khuynh hướng nóng giận, giúp ta nhịn nhục, chịu đựng những trái ý và đối xử hoà dịu với mọi người.

-Hiền lành có được là nhờ:

Tự chủ: chế ngự tính nóng nảy, dễ xúc động.

Nhịn nhục: nhường nhịn, chịu đựng vết xấu tha nhân.

Tha thứ: đối xử khoan dung với hết mọi người, kể cả những ai là kẻ thù của mình nữa.

b. mHiên lành đích thực như thế nào?

-Hiên lành giả hiệu là người có cử chỉ hiên hoà, khiêm nhu, nhưng chỉ cần một lời nói khích hay một sỉ nhục nhỏ, thì tức khắc lên mặt kiêu hãnh không ngờ. Một hạng giả hiệu khác là người nhu nhược.

c. Luyện tập tính hiên lành

- Loại trừ tính nóng nảy ngay từ lúc đầu.

- Tổ ra tế nhị trong lời nói, cử chỉ, hành động.

- Cầu nguyện, suy niệm và sống Lời Chúa.

- Quyết tâm không bao giờ tức giận, vì thấy mình còn nhiều khuyết điểm.

IV. SỢ HÃI VÀ CAN ĐẢM

Những phần thưởng cao quý nhất chỉ dành cho những người có thái độ tích cực, can đảm, biết gắng sức làm được những việc khó mà không ngại mạo hiểm. Còn hạng người tiêu cực, nhất sợ thì chỉ được những cơm thừa canh cặn của cuộc đời.

1. Sợ hãi

a. Khái niệm

-Sợ hãi là tình trạng bất an vì lo âu, khi đứng trước một nguy hiểm sắp xảy ra. Nguy hiểm đó có thể thuộc tinh thần hay vật chất, có thể có thực hay chỉ là tưởng tượng, tự cảm thấy không thắng nổi nên sinh sợ hãi, lo âu.

b. Nguyên nhân gây sợ hãi?

-Thể lý: bệnh tật, dị thường, nên sinh tự ti mặc cảm, xấu hổ sợ sệt. Thiếu sức khỏe, mất quân bình trong giai đoạn tuổi dậy thì.

-Tâm lý: tham danh tự ái: muốn được chú ý nhưng sợ bị phán đoán, muốn được hoan hô nhưng hoài nghi về khả năng của mình nên mất tự chủ. Tự ti mặc cảm: nghĩ mình thua kém, không đủ nghị lực, tự chủ để vượt qua.

-Xã hội: nô lệ dư luận, sợ dư luận phê phán, chỉ trích. Muốn giải thoát tính dư luận, cần có thái độ khiêm tốn, nhìn nhận khuyết điểm và luôn có tinh thần phục thiện. Khi gặp lời phê bình, chỉ trích, ta thận trọng kiểm điểm đời sống, tham khảo, bàn luận với người khôn ngoan, kinh nghiệm để hành xử cho đúng.

-Nguồn gốc gây sợ hãi cũng có thể đến từ: gia đình (thường bị dọa nạt, đánh đập...) hoặc do phương pháp giáo dục(dùng hình phạt, dọa nạt...)

c. Tai hại của tính sợ hãi

-Với bản thân: Sợ hãi có nhiều ảnh hưởng đến cơ thể, máu tứ chi rút về thần kinh trung khu, mặt tái, tim đập mạnh và nhanh, hơi thở hổn hển, run người, thất thanh, chân mềm, quy ngã..." (Felix Thomas).

- Có hại cho trí tuệ: bị ám ảnh, phán đoán sai, quyết định mù quáng, óc tưởng tượng tự do hoành hành..

- Có hại cho ý chí: làm nhụt nhuệ khí, kiệt quệ khả năng tiến bộ.

-Với tập thể: làm hại cộng đoàn, gia đình, quốc gia.

d. Làm thế nào vượt qua nỗi sợ hãi?

- Cách tiêu cực:

Không sống theo óc tưởng tượng, kéo sinh ra nản chí, mất tự tin. Ngoại trừ trường hợp bạn bị trực tiếp đe dọa, nỗi sợ đơn giản chỉ là sự thiếu tự tin của bạn kết lại thành một sự khùng hoảng dữ dội.

Không phán đoán chủ quan về giá trị của chính mình cũng như người khác.

Không quá nô lệ dư luận.

Cách tích cực:

Thể lý: tăng cường sức khoẻ bằng thể dục, bổ dưỡng.

Tâm lý: bài trừ sợ hãi bằng suy luận, dùng ý chí cương quyết, tự kỷ ám thị để có niềm tin.

Siêu nhiên: hoàn toàn tín thác vào Chúa,

“Thầy đây, đừng sợ!”.

2. Can đảm

a. Can đảm là gì?

- Có sức mạnh tinh thần, không sợ nguy hiểm.

- Là đức tính giúp con người mạnh mẽ trong tinh thần và ý chí, cố vượt thắng mọi trở ngại hoàn thành nhiệm vụ.

- Đức can đảm: là giữ mức độ trung dung giữa hai thái cực sợ hãi và táo bạo. Trong khi táo bạo là hành động liều lĩnh, coi khinh thì sợ hãi lại đưa đến nhụt chí, rút lui, ngại làm. Cả hai đều dễ dẫn đến thất bại.

- Can đảm là dám làm dám chịu: dám làm vì muốn thành công dù ở lãnh vực nào cũng không thể không đương đầu với những khó khăn, gian khổ. Dám chịu là chấp nhận hậu quả, thử thách, không nản chí, lãnh trách nhiệm về việc làm của mình.

b. Ích lợi của can đảm

- Can đảm biến lao khổ thành niềm vui, hạnh phúc cho chính mình và mọi người.

- *Có chí thì nên, có gan làm giàu*'. Can đảm giúp ý chí vững mạnh, để đưa đến thành công trong cuộc sống.

- Can đảm giúp chiến thắng ba thù: bảo vệ, phát huy tài năng, ân sủng Chúa ban.

- Để theo Chúa, đạt được nước trời, cần can đảm: *"...Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh, ai mạnh sức thì chiếm được"* (Mt 11,12).

c. Làm sao để trở thành người can đảm?

Cương quyết chế ngự tính nhát sợ.

- Tập sống trong tinh thần lạc quan 'sau cơn mưa, trời lại sáng'. Tất cả những khó khăn, thất bại,.. đều là những bài học quý giá. Nếu không có chúng, cuộc sống quả thật rất an toàn và dễ chịu, sẽ rất nhàm chán và vô nghĩa.

- Dám làm dám chịu, dám nhận khuyết điểm để sửa chữa, dám nhận trách nhiệm. Hãy luôn tự nhủ về công việc: *"những việc này sẽ chẳng có gì là không làm được!"*.

Câu hỏi thảo luận

1/ Bạn hãy nhận diện xem mình có thái độ sống tích cực hay tiêu cực. Làm sao để khắc phục và thăng tiến?

2/ Bạn đã bao giờ hối hận về lời nói, hành vi của mình chưa? Hãy chia sẻ kinh nghiệm của bạn.

3/ Bạn đã có bao giờ gặp thất bại chưa? Điều gì giúp bạn đứng dậy sau thất bại đó?

Bài 13

TÌNH BẠN

“Người bạn trung tín là người bạn chắc chắn, ai quen được người bạn như thế thì như gặp cả một kho tàng”

(Hc 6,14)

Chuyên kể : TÌNH BẠN

Hai người bạn đi trên một con đường vắng vẻ. Đến một đoạn, họ có một cuộc tranh luận khá gay gắt và một người bạn đã không kiềm chế được giờ tay tát vào mặt bạn mình. Người kia bị đau nhưng không hề nói một lời. Anh viết trên cát: *“Hôm nay, người bạn thân nhất của tôi đã tát vào mặt tôi”*.

Họ tiếp tục đi, đến một con sông, họ dừng lại và tắm ở đây. Anh bạn kia không may bị vộp bẻ và suýt chết đuối, may mà được người bạn cứu. Khi hết hoảng sợ, anh viết trên đá: *“Hôm nay, người bạn thân nhất đã cứu sống tôi”*.

Anh bạn kia ngạc nhiên hỏi: *“Tại sao khi tôi đánh anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại viết trên đá?”*

Mỉm cười, anh trả lời: *“Khi một người bạn làm chúng ta đau, chúng ta hãy viết điều gì đó trên cát, gió sẽ thổi bay chúng đi cùng sự tha thứ... và khi có điều gì đó to lớn xảy ra, chúng ta nên khắc nó lên đá như khắc sâu vào ký ức của trái tim, nơi không có ngọn gió nào có thể xóa nhòa được...”*.

(Lê Thu Hiền, dịch từ Internet)

Trích lại trong báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 39 năm 2001)

I. BẠN BÈ VÀ CUỘC SỐNG

1. Nhu cầu tình bạn

- Bước trên đường vắng, ta mong có một người bạn cùng đi, trao đổi câu chuyện cho quên đường dài. Trên đường đi, dưới mái trường, trong công việc, trong cuộc sống,... đâu đâu con người cũng cần đến người khác. Không ai là không cần đến người khác. Con người mang tính xã hội.

-Bất kể ai, dù già hay trẻ, cũng cần có bạn bè để chia sẻ, trao đổi, tâm sự vui buồn, nâng đỡ và giải trí,...

-Con người sinh ra trong xã hội, sống trong sự liên đới. Ngoài những người thân trong gia đình, cũng cần những người thân thiết khác nữa. Đó là những người bạn.

Tình bạn thật đáng quý và rất cần thiết cho cuộc sống.

2. Thế nào là một người bạn?

-Bạn bè là những người thân thiện : về tuổi tác, về sở thích, về nghề nghiệp, về hoàn cảnh, về tính tình,...

-Theo mức độ thân thiết: có bạn sơ giao, xã giao hay bạn thân, bạn tri kỷ.

-Theo phẩm cách: có bạn tốt hay bạn xấu.

3. Một số loại bạn loại bạn thường gặp

-Bạn học: là những người cùng trường, cùng lớp,... hầu hết ai cũng có. Bạn bè có thể giúp nhau học tập tốt hơn: *‘Học thầy không tầy học bạn’*.

-Bạn đồng nghiệp: do làm chung công việc hay có quan hệ mua bán, làm ăn,... Cần có sự thành thật, không lừa đảo, lợi dụng nhau.

-Bạn xã giao: những người tình cờ gặp ở những nơi như giải trí, thể thao, tiệc tùng, giao lưu,...

-Bạn tâm tình: hiểu nhau và tin tưởng nhau, có thể tâm sự những điều riêng tư, nâng đỡ chia sẻ để...chọn người tri âm tri kỷ phải là người có tâm hồn quảng đại, trung tín.

4. Ảnh hưởng của bạn bè

-Ảnh hưởng về tiền bạc: là bạn tốt khi người ta giúp đỡ nhau làm ăn, góp ý xây dựng cuộc sống... Nhưng cũng có những bạn lợi dụng, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, thời giờ, tiền bạc khi rủ rê, lôi kéo ăn chơi, phung phí...

-Ảnh hưởng về đạo đức, uy tín: nếu là bạn tốt, đó sẽ là tấm gương nâng đỡ tinh thần. Còn với bạn xấu, dễ khiến ta bắt chước thói xấu của họ, ...

-Ảnh hưởng đến tương lai: nếu gặp người bạn tốt, sẽ giúp đỡ nhau học hành tiến bộ, tương lai tươi sáng. Nếu là bạn xấu, dễ bị ảnh hưởng bỏ bê học hành, ăn chơi lêu lổng, tương lai mờ mịt.

II. CHỌN BẠN

Ai cũng muốn có được những người bạn tốt. Một người bạn tốt là món quà quý nhất. Chính vì thế, việc chọn bạn cũng là điều thật quan trọng.

1. Chọn bạn theo tiêu chuẩn nào?

Để có những người bạn tốt, ta phải biết ‘chọn bạn mà chơi’, nhờ thế ta có thể thăng tiến vì ‘*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*’.

-Chọn người chăm chỉ, đạo đức: nhờ thế ta học theo đức tính tốt của họ.

-Chọn người chân thành, trung tín: nhờ vậy ta có thể có tình bạn bền vững.

-Chọn bạn có lý tưởng tốt: để cuộc sống có ý nghĩa.

2. Thế nào là người bạn tốt?

-Là người biết giúp đỡ, khuyến khích ta làm điều tốt và khuyên ta tránh điều xấu.

-Là người sẵn sàng chia sẻ vui buồn, sướng khổ với ta. Hiểu và cảm thông ta trong mọi hoàn cảnh.

-Là người hy sinh, quảng đại, tha thứ.

*Bạn thân chưa hẳn là bạn tốt: phải là người luôn gần bó với ta trong mọi hoàn cảnh, khi vui lúc buồn, khi thành công lúc thất bại, ...

*Người *‘chiều theo ý muốn của ta’* chưa hẳn là người bạn tốt. Một người bạn tốt thật sự phải là người thẳng thắn, góp ý chân thành khi ta lầm lỗi. Một người bạn tốt ắt sẽ không nịnh bợ, hùa theo những điều xấu, vì *‘người bạn nịnh bợ là kẻ thù nguy hại nhất đời’* (Ngạn ngữ Đan Mạch).

III. SỐNG ĐẸP TÌNH BẠN

1. Cư xử trong tình bạn

Tình bạn đẹp là thế, chúng ta phải biết giữ gìn, bảo vệ tình bạn bằng những thái độ đúng mực, hợp lẽ:

-Chân thật: cư xử công bằng, hợp lý; không nói dối, nịnh hót hay lừa gạt nhau. Đối xử với nhau bằng tất cả tấm lòng: *“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng”* (Trịnh Công Sơn).

-Trung tín: giữ đúng lời hứa. Những lúc gặp khó khăn, thất bại, hoạn nạn là lúc cần có bạn nhất.

-Biết nhớ và biết quên: nhớ những điều tốt, kỷ niệm đẹp, sự giúp đỡ bạn bè dành cho nhau. Quên những điều không hay, không tốt của nhau. Đừng bao giờ để người nào đến với bạn mà khi về lại cảm thấy chẳng tìm được sự thoải mái và hạnh phúc hơn.

-Quan tâm đến nhau: tạo cho nhau những niềm vui nho nhỏ trong những ngày đặc biệt như sinh nhật, bổn mạng,... Khi gặp khó khăn lại càng cần sự quan tâm đến nhau. Tục ngữ Anh có câu: *“Bạn lúc khó khăn mới là bạn thực sự”* (a friend in need is a friend indeed). Với những người bạn kém tài hoặc khiếm khuyết, khuyết tật lại cần sự quan tâm đặc biệt hơn nữa.

-Tôn trọng tình bạn: cần được trân trọng nuôi dưỡng.

2. Những điều nên tránh

-Tránh nói xấu, lừa dối, hay ganh tị, ác tâm.

-Tránh lợi dụng, lừa dối nhau.

-Tránh thất tín.

3. Suy gẫm

Những người bạn sẽ gặp ảnh hưởng đến cuộc đời bạn. Nếu có ai đó làm tổn thương bạn, phản bội bạn hay lợi dụng tấm lòng của bạn, hãy tha thứ cho họ bởi vì chính họ giúp bạn nhận ra ý nghĩa của sự chân thật và hơn nữa, bạn biết cách rộng mở tấm lòng đối với ai đó. Nhưng nếu ai đó yêu thương bạn chân thành, hãy yêu thương họ một cách vô điều kiện, không phải đơn chỉ đơn thuần họ đã yêu bạn mà chính họ đang dạy bạn cách để yêu.

Bài 14

TÌNH YÊU

“Anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái, vì ai yêu người thì đã chu toàn Lễ Luật”

(Rm 13,8)

Chuyện kể

... Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại sức nước, chống mũi cho thuyền quay về phía thượng du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô, khi chìm, khi ẩn, khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết trong nghiên son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghè lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ thì trời đổ mưa ... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu.

Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi. Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

- *Trời ơi !*

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã gom lại và lạnh lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp ...

Chồng hỏi vợ:

- *Mình liệu bơi đến bờ được không ?*

Vợ quả quyết:

- *Được !*

- *Theo dòng nước mà bơi ... Gối lên sóng.*

- *Được ! Mặc em!*

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dư. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thăm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

- *Thế nào ?*

- *Được ! Mặc em!*

Vợ vừa buông lời thì cái đầu chìm lỉm. Cố hết sức bình sinh nàng lại mới ngoi lên được mặt nước. Chồng vội vàng đền cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng, chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu lên:

- *Mỏi lắm rồi, mình vịn vào vai tôi, để tôi bơi ! Tôi không xốc nổi mình nữa.*

Mấy phút sau chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh rã rời. Vợ khẽ hỏi:

- *Có bơi được nữa không ?*

- *Không biết . nhưng một mình thì chắc được.*

- *Em buông ra cho mình vào nhé?*

Chồng cười:

- *Không ! Cùng chết cả.*

Một lát, một lát, nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

- *Lạc ơi ! Liệu có bơi được nữa không?*

- *Không ! .. Sao ?*

- *Không. Thôi đành chết cả đôi.*

Bỗng Lạc run run khẽ nói :

- *Thằng Bò ! Cái Nhón ! Không ! Anh phải sống !*

I. KHÁI NIỆM TÌNH YÊU

1. Định nghĩa

- Theo nghĩa rộng, tình yêu là tình cảm con người dành cho nhau trong cuộc sống tinh thần.

- Theo nghĩa hẹp, tình yêu là một quan hệ giữa hai người khác giới, có nhu cầu gắn bó để chung sống, hình thành một gia đình, dâng hiến cho nhau

- Ngoài ra, tình yêu có thể hiểu theo nhiều chiều kích :

Ví dụ: + Yêu là muốn điều tốt cho nhau

+ Yêu là cùng nhìn về một hướng

+ Yêu là sống cho người mình yêu

+ Yêu là cho, nhận, dâng hiến, tha thứ, trao

ban, phục vụ, ...

2. Phân loại

- Tình phụ tử, mẫu tử

- Tình huynh đệ, bạn bè

- Tình yêu nam nữ, vợ chồng

- Tình yêu hương, đất nước

- Tình yêu Thiên Chúa, ...

3. Đặc điểm của tình yêu chân chính

- Tính quảng đại, vị tha: biết tin cậy và tôn trọng lẫn nhau, biết hy sinh và tha thứ, luôn tận tình, giúp đỡ, thông cảm, an ủi. Đặc biệt, tính quảng đại là không chiếm hữu mù quáng, bạo lực, lợi dụng, thiếu tôn trọng.

- Tính đạo đức, trong sáng: yêu là muốn điều tốt cho nhau, giúp nhau cùng thăng tiến, yêu có trách nhiệm không sợ hãi, không làm tổn thương nhân cách và đạo đức.

- Tính hiệp nhất: tình yêu này dẫn đến hôn nhân trong cuộc sống, được Giáo hội và xã hội công nhận, tình yêu đậm bông kết trái trong hôn nhân gia đình.

II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA TÌNH YÊU

- “Con người không thể sống nếu không có tình yêu....Con người sẽ không hiểu mình, hiểu cuộc đời, nếu họ không gặp tình yêu, không có kinh nghiệm về tình yêu, không làm cho tình yêu trở thành của mình và không còn tham dự mãnh liệt vào tình yêu” (ĐGH Gioan Phaolô II). Chính vì thế, tình yêu rất quan trọng trong cuộc sống của con người:

- Tình yêu đem lại hạnh phúc, niềm vui, thêm động lực để phát triển, giúp biến đổi, thăng tiến nên hoàn thiện.

- Tình yêu là sức mạnh vượt gian khổ, thăng hoa con người, làm cho họ yêu đời và yêu người hơn.

- Tình yêu liên kết hai người khác giới, đưa họ vào hôn nhân gia đình. Hôn nhân gia đình hạnh phúc và bền vững chỉ có và tồn tại trong tình yêu. Vì tình yêu giúp họ muốn sống bên nhau, tha thứ, chấp nhận, nuôi dưỡng, trách nhiệm và chu toàn bổn phận.

III. GIÁO DỤC TÌNH YÊU CHO NGƯỜI TRẺ

1. Chân dung tình yêu nam nữ

- Tình lý tưởng: đối tượng như ý muốn
- Tình ngộ nhận: do lịch sự, hợp nhãn, sắc đẹp... Tuy nhiên đạo đức thì giả tạo, họ nâng cảm xúc lên tình yêu
- Tình lợi dụng: dùng tình yêu che mục đích lợi dụng, chinh phục vì tiền tài, danh vọng.

- Tình si mê: do quan điểm yêu thương lệch lạc, yêu thương kiểu phong trào, yêu thử nghiệm hoặc rung cảm nhục dục.

- Tình vị kỷ: chỉ lo cho bản thân, yêu mình.

- Tình vị tha: cảm thông, chia sẻ và sẵn sàng tha thứ.

2. Người trẻ trước ngưỡng cửa tình yêu

- Cần thời gian để tìm hiểu nhau theo tiến trình: bạn, bạn thân, người tình, vợ chồng

- Cần tìm hiểu, cân nhắc, chọn lựa, cầu nguyện, bàn hỏi với người khôn ngoan trước khi quyết định chọn người yêu.

- Yêu với ý thức trách nhiệm, xây dựng, chung thủy, không ích kỷ, lợi dụng, mù quáng.

- Yêu theo mẫu tình yêu Thiên Chúa: vị tha, hy sinh, tạo hạnh phúc cho người yêu, yêu nên một với người yêu trong một tâm tình, cuộc sống và có trách nhiệm cao.

- Yêu theo gương gia đình Nagiaret

3. Những lệch lạc trong tình yêu giới trẻ hiện nay

a. Tình trạng

- Lầm lẫn trong yêu đương hay lợi dụng tình yêu: coi tình dục là tình yêu, yêu thử nghiệm. Lầm lẫn trong tình bạn và tình yêu.

- Yêu cuồng nhiệt, sống vội, tò mò, hưởng lạc thú chứ không vì hôn nhân gia đình, không cần và hướng đến tương lai.

- Muốn thoả mãn tự ái: phải có và kiếm được người yêu, kéo mang tiếng là ế.

b. Nguyên nhân

- Thiếu giáo dục, đạo đức

- Ảnh hưởng bạn bè xấu, sách báo, phim ảnh đồi trụy

- Không có lý tưởng sống, mặc cảm tự ti, tự tôn

- Lười cầu nguyện, không thường xuyên lãnh bí tích
- Không đặt niềm tin vào Chúa

c. *Hậu quả*

- Ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ
- Suy thoái tinh thần, hết hăng say học tập
- Mặc cảm tội lỗi, mất uy tín, mất tự tin
- Bệnh hoạn, thất tình, phá thai, tự tử

IV. XÂY DỰNG NỀN VĂN MINH TÌNH YÊU

- Hãy tin vào tình yêu: “Chúng ta đã biết tình yêu của Thiên Chúa và chúng ta tin vào tình yêu đó”

- Xây dựng nền văn minh tình yêu: trong tinh thần liên đới quảng đại, tha thứ và chia sẻ. Cần có cá tính mạnh mẽ và kiên trì, biết hy sinh, vượt qua những chia rẽ của hưởng thụ, khoải lạc để tình yêu phong phú và cao thượng.

- Hãy mở lòng ra với tình yêu Đức Kitô: “Chúng ta yêu thương, vì Người đã yêu chúng ta trước”. Mức độ tình yêu của chúng ta là yêu mến theo trái tim Đức Kitô.

- Làm chứng nhân tình yêu để kiến tạo hoà bình: thế giới ngày nay đang cần niềm vui và phục vụ, sức mạnh và sứ trao dâng đời mình để biến đổi lịch sử, xây dựng xã hội mới công bằng, huynh đệ, nhân đạo và công giáo hơn.

Bài 15

NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH

“Còn Hài nhi Giêsu ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa”.

(Lc 2,40)

Chuyện kể

Ngày 16/8 kỷ niệm ngày qua đời của Elvis Presley, ca sĩ được xem như là thần tượng của nhạc rock tại Hoa Kỳ trong thập niên 1970.

Xuất thân từ một gia đình nghèo, lại mang tính nhút nhát, Elvis thường trở thành trò cười cho bạn bè trong lớp. Nhưng luôn ôm ấp trong mình giấc mơ trở thành ca sĩ, Elvis đã thắng vượt được tính nhút nhát của mình để trở thành một ngôi sao sáng chói trong nền âm nhạc Mỹ quốc. Danh vọng và tiền bạc đến quá nhanh khiến cho Elvis không kịp chuẩn bị để trang bị cho mình một triết lý sống vững chắc. Anh mua cho mẹ một biệt thự lộng lẫy xa hoa. Cá nhân thì lại vung vít tiền bạc trong không biết bao nhiêu cuộc vui phù phiếm. Cuộc hôn nhân đầu tiên đã đổ vỡ, chỉ để lại cho anh cái đắng buồn phiền...

Sự ái mộ của dân chúng dường như không đủ lấp đầy khoảng trống vắng quá lớn trong tâm hồn anh. Ma túy và các thứ thuốc an thần cũng không đủ hiệu lực xoa dịu bao nỗi khắc khoải trong tâm hồn anh...

Buổi sáng 16/8/1977, sau một đêm thức trắng để đọc sách. Elvis đã được tìm thấy trong phòng tắm của anh, mặt

úp xuống sàn nhà, sau một cơn chóng trả mảnh liệt với tử thần... Anh đã tắt thở ngay khi được chở đến bệnh viện.

Priscilla, người vợ đầu tiên của Elvis đã thốt lên như sau: Cái chết của Elvis khiến tôi nghĩ nhiều về chính cái chết của tôi.. Tôi chợt nhận ra rằng tôi cần phải chia sẻ với người khác nhiều hơn. Khi trở thành ngôi sao trong nền âm nhạc, Elvis còn quá trẻ để có thể biết cách xử dụng tiền tài, danh vọng đang đến với anh. Anh chỉ là một nạn nhân. Anh ấy bị huỷ diệt bởi chính những người ái mộ anh. Anh cũng là nạn nhân của chính hình ảnh mà anh tạo ra. Anh chưa bao giờ sống như một con người thực sự. Anh chưa bao giờ trưởng thành. Anh chưa bao giờ ra khỏi cái vỏ ốc sên ấm áp của mình để cảm nghiệm được thế giới bên ngoài.

(Trích trong *Lẽ sống*, Đài phát thanh Chân Lý Á Châu)

I. TRƯỞNG THÀNH ĐÍCH THỰC

- Trưởng thành là sự thành toàn của bản tính, đỉnh cao của tiến trình tăng trưởng. Nơi con người, trưởng thành là sự chín muồi trong bản chất tinh thần. Trưởng thành này không phụ thuộc độ tuổi và thể lý. Có thể, người ốm đau trưởng thành hơn lực sĩ, người thất học trưởng thành hơn người có văn hoá,

- Trưởng thành là biến những tiêu chuẩn và nguyên tắc ngoại tại thành những xác tín cá nhân trong hành động. Tiến trình chuẩn mực này cần được ý thức và tự do. Chính vì thế, trẻ con cần phải áp đặt những tiêu chuẩn bởi chúng có khuynh hướng tự nhiên, cảm hứng nhất thời hơn là nghĩ đến trách nhiệm và tương lai. Người trưởng thành luôn biết

nhìn xa trông rộng, biết khép mình vào kỷ luật chung. Ngoài ra, người trưởng thành hành động không vì sợ người khác, nhưng theo nguyên tắc và xác tín riêng.

- Trưởng thành là hài hoà trong bản thân. Nhân cách của người trưởng thành chính là sự tập hợp các nhân đức, kể cả ý chí, tình cảm, trí khôn. Bao lâu thiếu sự hài hoà ấy, con người chưa đạt đến sự trưởng thành. Người có đầu óc uyên bác nhưng có tâm hồn nhỏ bé, người có trí khôn bác học nhưng không làm chủ cảm xúc bản thân thì chưa đạt trưởng thành. Trưởng thành là vun trồng mọi đức tính và tổng hợp nhiều giá trị mà con người theo đuổi và hướng đến, nhằm đạt sự hài hoà cho bản thân.

- Trưởng thành là trung thành, uy tín sống những cam kết của mình, sống phù hợp với bậc sống của mình và hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về lời nói, hành động và việc làm của mình. Khi đã suy nghĩ và đoan thể thì luôn luôn giữ lời hứa. Trưởng thành là những người biết sống theo lương tâm chân chính của mình.

II. NHỮNG NGỘ NHẬN VỀ TRƯỞNG THÀNH

- Người ta nghĩ trưởng thành không bị ảnh hưởng sự xấu. Xã hội đương thời thường xem sai trái là chuyện của trẻ con, người lớn không mắc phải. Chẳng hạn khi ghi *“phim dành cho người lớn, cấm trẻ em dưới 18 tuổi”* như thể người lớn không bị cấm dỗ. Thật ra người trưởng thành thì biết phải trái, đúng sai, không cần nhắc nhở, người ta cũng biết. Người trưởng thành hành động theo sự xác tín cá nhân và theo lương tâm ngay thẳng.

- Người ta tưởng trưởng thành là không sai lầm. Thật ra, trưởng thành không mang nghĩa chuẩn trước sai lầm và

có câu trả lời đúng cho mọi sự. Kinh nghiệm người đời cho thấy, chẳng hạn triết gia Socrate cảm nhận : “người khôn ngoan nhất là người biết nhận ra sự ngu dốt của mình”. Như vậy, càng trưởng thành người ta càng tỏ ra khiêm tốn. Ngược lại, nếu ai khó chấp nhận mình có sai lầm và không đón nhận sự góp ý phê bình hay quan điểm của người khác thì khó là người trưởng thành, bởi họ quá ích kỷ, tự cao, luôn xem mình đúng và là trung tâm của vũ trụ.

- Trưởng thành không cùng nghĩa với cứng nhắc. Có người tưởng tưởng thành thì luôn luôn nghiêm trang. Thật ra, nét đẹp của sự trưởng thành là hài hoà. Người trưởng thành là người biết lúc nào cần nghiêm trang, lúc nào cần tươi cười. Ngoài ra, người trưởng thành luôn nhận ra sự khác biệt và giá trị của người khác, của mỗi hoàn cảnh, trường hợp, thời điểm khác nhau. Người trưởng thành như vậy là người biết linh động, hoạt bát, tháo vát. Ngược lại, họ không bao giờ khước từ những quan niệm hay quan điểm của người khác.

III. CHÂN DUNG NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH

- Đạt sự thành toàn trong nhân cách, biết vun trồng mọi đức tính nhân bản, linh động, hoạt bát trong cuộc sống, biết cư xử tốt và hài hoà với nhiều người.

- Biết suy nghĩ chín chắn, phán đoán chính xác, hành động có ý thức và tự do, theo lương tâm chân chính của bản thân

- Có tinh thần trách nhiệm về hành vi, lời nói, việc làm của mình, đồng thời chấp nhận phê bình và sửa sai.

- Khiêm tốn chấp nhận sự thật về mình, có tinh thần cầu tiến, học hỏi, nâng cao kiến thức và tu luyện bản thân.

- Luôn giữ uy tín, kiên trì theo đuổi mục đích, biết tự chủ dục vọng, sống phù hợp và ngay chính trong bậc sống của mình.